



**TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014**



## Thưa Quý Cổ đông!

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Các nền kinh tế lớn phát triển theo hướng đầy nhanh tăng trưởng nhưng có nhiều yếu tố rủi ro trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ. Trong khi đó, nhiều nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách thắt chặt để giảm áp lực tiền tệ.

Ở trong nước, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp... Trước bối cảnh đó, Tập đoàn Đức Long Gia Lai, được sự ủng hộ của Quý cổ đông, HĐQT, Ban tổng giám đốc cùng đội ngũ CBCNV đã không ngừng nỗ lực khắc phục khó khăn, chủ động ứng phó biến động của thị trường, đề ra các quyết sách phù hợp, từng bước ổn định, phát triển hoạt động SXKD. Tập đoàn luôn chú trọng phát huy thế mạnh, quyết liệt thực hiện chiến lược tái cấu trúc đã đề ra tại Đại hội cổ đông năm 2014, phát triển theo chiều sâu, bám sát Nghị Quyết của Hội đồng quản trị để thực hiện những mục tiêu kế hoạch đề ra và đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận: Kết thúc năm tài chính 2014, Tập đoàn Đức Long Gia Lai đạt những kết quả mặc dù chưa tốt như kỳ vọng nhưng rất đáng khích lệ: doanh thu thuần ở mức cao nhất từ trước đến nay với giá trị 1.005.809 triệu đồng, tương đương mức tăng 25,45% so với cùng kỳ; Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh từ 1.676 triệu đồng lên 54.267 triệu đồng, tương đương tăng trưởng 3.137,9% so với cùng kỳ.

Điểm nhấn trong năm qua là công tác thực hiện tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng tập trung vào các dự án sinh lời ngắn hạn sau một thời gian dài tập trung đầu tư vào các lĩnh vực dài hạn, hoạt động SXKD của ĐLGL không ngừng tăng trưởng, đi vào ổn định.

Với mục tiêu phát triển bền vững, Đức Long Gia Lai không chỉ tập trung vào phát triển tài chính mà phải phát triển một cách toàn diện. Tập đoàn luôn nỗ lực để xây dựng môi trường làm việc tốt, làm việc an toàn, chuyên nghiệp, công sức và nỗ lực của nhân viên sẽ được đáp lại bằng chế độ thu nhập hợp lý. Ngoài ra, nhân viên còn được quan tâm chăm sóc sức khỏe, đảm bảo quyền lợi, lợi ích. Đối với cộng đồng và xã hội, Tập đoàn luôn ưu tiên mục tiêu vì môi trường, tuân thủ nghiêm ngặt các thủ tục về môi trường, do đó môi trường làm việc luôn được cải thiện, chất lượng sản phẩm ổn định.

Thay mặt Tập đoàn Đức Long Gia Lai, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng, Quý cổ đông, đối tác trong thời gian qua. Tôi tin rằng với sự hợp tác, nỗ lực cao nhất của chúng ta, ĐLGL sẽ tiếp tục đạt những thành tựu trong năm 2015 và vị thế của Tập đoàn sẽ không ngừng được nâng cao.

**TM. Hội đồng quản trị**  
**Chủ tịch**



**Bùi Pháp**

# TẦM NHÌN

“Trở thành tập đoàn đa ngành hàng đầu Việt Nam và khu vực Đông Dương từ 2015-2019”

# SỨ MỆNH

“Không ngừng sáng tạo và cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, xây dựng hệ thống quản lý chuyên nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh, liên tục tăng trưởng bền vững để tối đa hóa giá trị cho cổ đông, khách hàng, đối tác cùng cán bộ công nhân viên.”

## M Ụ C L Ụ C

### I. Thông tin chung [3]

1. Thông tin khái quát [4]
2. Quá trình hình thành và phát triển [5]
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh [9]
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý [11]
5. Định hướng phát triển [14]
6. Các yếu tố rủi ro [16]

### II. Tình hình hoạt động trong năm 2014 [18]

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh [19]
2. Tổ chức và nhân sự [20]
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án [25]
4. Tình hình tài chính [28]
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu [30]



# GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Đổi mới.
- Phát triển.
- Chia sẻ.
- Đoàn kết.
- Tôn chỉ pháp luật.

## III. Báo cáo của Ban Giám đốc [32]

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh [33]
- Tình hình tài chính [35]
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý [40]
- Kế hoạch phát triển trong tương lai [41]

## IV. Báo cáo của Hội đồng Quản trị [44]

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty [45]
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty [49]
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị [50]

## V. Quản trị Công ty [52]

- Hội đồng Quản trị [53]
- Ban Kiểm soát [61]
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS [65]

## VI. Báo cáo tài chính [66]





# THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các yếu tố rủi ro



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900415863
- Vốn điều lệ: 1.492.535.080.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.492.535.080.000 đồng
- Địa chỉ: 02 Đặng Trần Côn, P.Trà Bá, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: (84-59) 3748367
- Số fax: (84-59) 3747366
- Website: [www.duclonggroup.com.vn](http://www.duclonggroup.com.vn)



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



### **Năm 2014**

Thực hiện chiến lược tái cấu trúc mạnh mẽ, chú trọng phát triển trên 3 lĩnh vực trọng tâm: Nông nghiệp, năng lượng và cơ sở hạ tầng.

Trong năm 2014, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 697,4 tỷ đồng lên 1.492,5 tỷ đồng.

### **Tháng 06/2010**

Tập đoàn Đức Long Gia Lai chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HOSE), mã chứng khoán DLG.

### **Tháng 03/2010**

Niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai (Công ty thành viên) trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), mã chứng khoán DL1.

### **Tháng 6/2007**

Thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và sau đó lần lượt thành lập 20 công ty thành viên, mở và liên kết thành lập 13 chi nhánh, cửa hàng trong và ngoài nước hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đa ngành nghề.

### **Tháng 09/1995**

Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai được thành lập với một ngành nghề là chế biến gỗ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Doanh nghiệp có số vốn ban đầu là 3,6 tỉ đồng và 9.700 m<sup>2</sup> đất và một dây chuyền chế biến gỗ thủ công, bán tự động.

Sau gần 20 năm xây dựng và phát triển, Đức Long Gia Lai đã và đang trở thành một Tập Đoàn kinh tế có uy tín, năng lực và thương hiệu mạnh, tạo công ăn việc làm ổn định cho hàng vạn lao động; doanh thu hàng năm tăng trưởng bình quân 50%; đóng góp không nhỏ vào ngân sách nhà nước.



Thành tích của Tập đoàn được Đảng và Nhà nước ghi nhận, trao tặng nhiều danh hiệu cao quý:

- 4 lần nhận giải “Sao vàng đất Việt” dành cho thương hiệu và sản phẩm đạt chất lượng cao.
- 3 lần nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ dành cho tập thể và cá nhân ông Bùi Pháp.

- 3 lần nhận Cờ thi đua của Chính phủ.
- Đạt Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững, Cúp Sen vàng thương hiệu nổi tiếng Việt Nam và Quốc tế.

- Cá nhân ông Bùi Pháp được trao tặng Huân chương lao động hạng Ba; 2 lần nhận Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu; Cúp Thánh Gióng và Biểu tượng Bạch Thái Bưởi-Doanh nhân đất Việt thế kỷ 21; 3 năm liền ông Bùi Pháp được bình chọn trong Top những người giàu nhất trên Sàn chứng khoán Việt Nam.

- Được trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì, Ba cho Tập thể có thành tích xuất sắc.

- Nhiều Cúp cờ trong phong trào Thể dục thể thao: Cúp Vô địch, Á quân...trong hoạt động bóng chuyền.
- Ngoài ra, Tập đoàn và cá nhân ông Bùi Pháp còn được trao tặng nhiều Bằng khen, Cúp, Cờ của các bộ, ngành, địa phương.





Các hoạt động hợp tác đầu tư....

**07/08/2014**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai chính thức ký kết đầu tư và hợp tác chiến lược với Quỹ đầu tư Global Emerging Market (GEM), GEM cam kết đầu tư chiến lược vào DLG với tỷ lệ nắm giữ lên đến 20%.

GEM sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho DLG trong việc huy động thêm nguồn vốn giá rẻ tại thị trường Mỹ thông qua chương trình phát hành ADR trong năm 2015. GEM sẽ tiếp tục thực hiện thêm một số khoản đầu tư mang tính chiến lược vào DLG thông qua các đợt phát hành riêng lẻ dự kiến sẽ hoàn tất trước quý II.2015. Thông qua đó, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu DLG của GEM sẽ tăng lên 40% vào năm 2015. Đồng thời, GEM cũng cam kết sẽ là nhà đầu tư chiến lược của DLG với việc nắm giữ tối thiểu 20% DLG trong thời gian 2 năm, và nắm giữ tối thiểu 10% DLG trong thời gian 3 năm.

Tập đoàn Đức Long Gia Lai và Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk) ký kết hợp tác trong dự án chăn nuôi quy mô lớn. Thông qua thương vụ hợp tác này, Vinamilk chịu trách nhiệm hỗ trợ toàn diện cho Đức Long Gia Lai để phát triển dự án chăn nuôi bò quy mô lớn với 80.000 con bò sữa, 45.000 con bò thịt. Cụ thể, Vinamilk chịu trách nhiệm tư vấn cho DLGL xây dựng dự án chăn nuôi bò sữa theo các tiêu chuẩn kỹ thuật của Vinamilk về chuồng trại, kỹ thuật chăn nuôi, vận hành dự án, quy trình thức ăn, quy trình chăm sóc và đào tạo kỹ thuật viên, cung cấp đàn bò giống có chất lượng tốt cho DLG, VNM cũng cam kết bao tiêu toàn bộ sản phẩm sữa của DLGL.

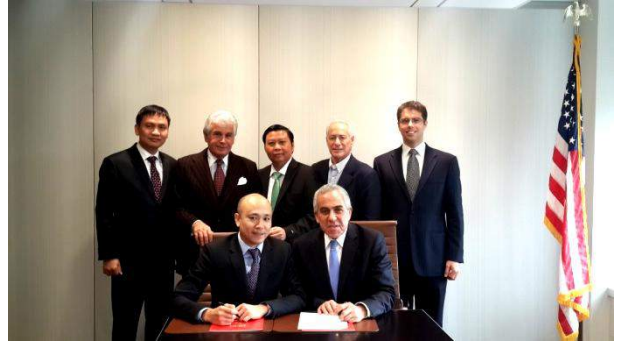
**08/09/2014**

**15/10/2014**

Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã ký kết hợp tác toàn diện dự án “Giải pháp đầu tư sản xuất, quản lý điện năng toàn diện và bền vững: động lực thúc đẩy phát triển kinh tế Côn Đảo nói riêng và Việt Nam nói chung” với Tập đoàn Merica (Merica Group “MGC”). Lễ ký kết đã diễn ra dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Kinh tế và Năng lượng CHLB Đức. Theo đó, DLGL Group và Merica Group sẽ hợp tác đầu tư, sản xuất và cung cấp điện năng liên tục 24/7 và đáp ứng 100% nhu cầu điện năng cho phát triển kinh tế Côn Đảo nói riêng và Việt Nam nói chung. Dự án của Liên doanh DLGL Group và Merica Group sẽ mở ra một hướng đi mới, đáp ứng nhu cầu điện năng đang rất thiếu hụt tại Côn Đảo, đồng thời tạo thêm thu nhập cho cư dân, thúc đẩy phát triển kinh tế Côn Đảo.

## 11/11/2014

Ngày 11/11/2014, Lãnh đạo Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã có buổi làm việc với ông John B. Lowy, Chủ tịch Ngân hàng Đầu tư Olympic Capital Group tại New York. Hai bên đã đi đến quyết định ký kết hợp tác toàn diện trong hoạt động huy động vốn của DLG tại thị trường tài chính Mỹ. Buổi lễ ký kết diễn ra chiều cùng ngày 11/11, tại toàn nhà Olympic Tower, New York.



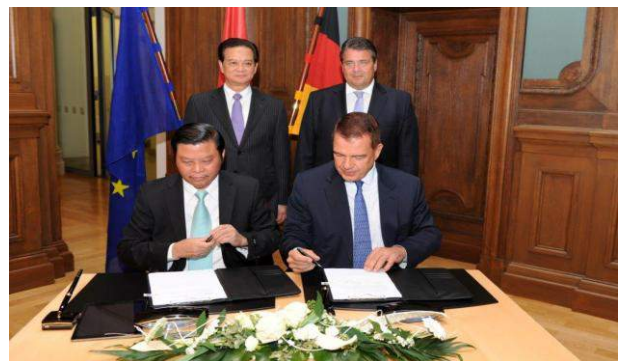
## 14/11/2014

Lãnh đạo Bamboo Capital cùng Đức Long Gia Lai và Asia Global Capital Group làm việc và ký hợp đồng với công ty Investor Relation (IR): KCSA Strategic Communication về việc sử dụng các quan hệ đầu tư tại Mỹ. KCSA là công ty chuyên về quan hệ công chúng, quan hệ truyền thông, phương tiện truyền thông xã hội, quan hệ nhà đầu tư và thương hiệu tiếp thị tại Mỹ.



## 15/11/2014

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và Bamboo Capital cùng Asia Global Capital Group đã ký hợp đồng với công ty luật DHC Elliot Lutzker về việc sử dụng dịch vụ pháp lý của DHC trong việc đại diện quyền lợi và bảo vệ pháp lý của DLG cùng các công ty thành viên tại thị trường Mỹ, dịch vụ tư vấn sáp nhập mua lại doanh nghiệp cross border, dịch vụ pháp lý phát hành ADR tại thị trường Mỹ.





## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

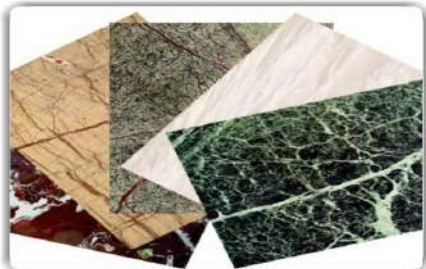
### Ngành nghề chiến lược:

Nông nghiệp  
Năng lượng  
Cơ sở hạ tầng  
Sản xuất linh kiện điện tử



### Ngành nghề truyền thống:

Sản xuất và chế biến gỗ  
Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe  
Kinh doanh nhà hàng khách sạn và khu nghỉ dưỡng  
Đầu tư và kinh doanh thủy điện  
Kinh doanh bất động sản  
Dịch vụ bảo vệ, vệ sĩ





### Địa bàn kinh doanh chủ yếu

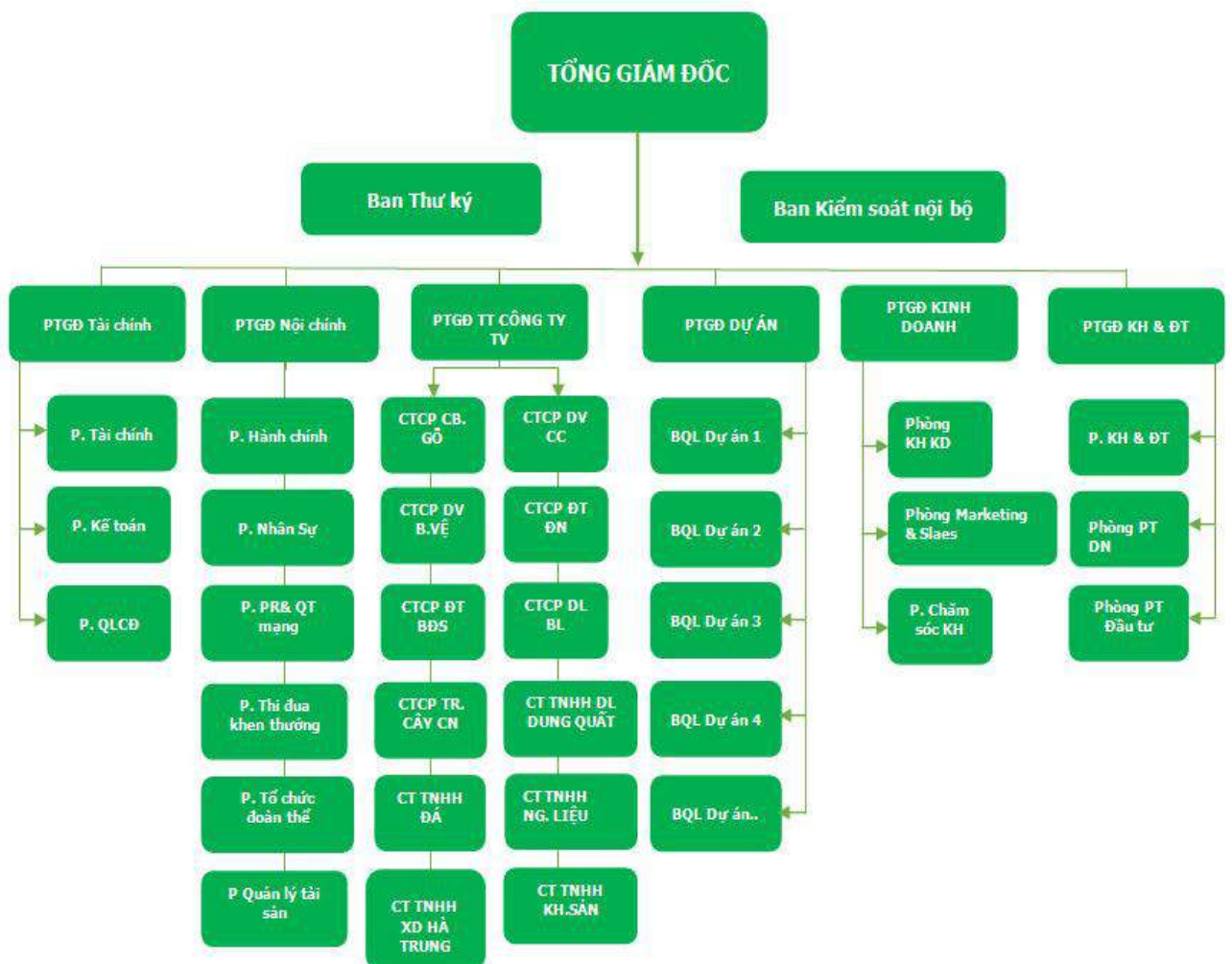
Là một tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề, địa bàn kinh doanh của Đức Long Gia Lai không chỉ trong tỉnh Gia Lai mà trải rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước. Bên cạnh đó, tập đoàn còn đang mở rộng việc đầu tư kinh doanh bên ngoài lãnh thổ Việt Nam như Lào, Campuchia, các nước Đông Nam Á khác. Các sản phẩm gỗ mang thương hiệu Đức Long Gia Lai cũng được xuất khẩu sang các nước Châu Âu, Châu Mỹ.



## CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY MẸ VÀ CON



**Các Công ty con**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Vốn điều lệ (tỷ đồng)</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>
CTCP chế biến gỗ ĐLGL	Lô C4 đường số 4, KCN Trà Đa, TP Pleiku - Tỉnh Gia Lai	35	91,71%
CTCP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng ĐLGL	43- Lý Nam Đế- Trà Bá- Pleiku- Gia Lai	31	54,67%
CTCP trồng rừng và cây công nghiệp ĐLGL	43- Lý Nam Đế- Trà Bá- Pleiku- Gia Lai	30	95,00%
CTCP Dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai	73A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 15, Quận Phú Nhuận – TP HCM	3.4	48,00%
CTCP Đức Long Đà Nẵng	47 Bế Văn Đàn- quận Thanh Khê- Tp. Đà Nẵng	25	85,00%
Công ty CP Đầu tư xây dựng Đức Long Gia Lai.	43 Lý Nam Đế – Pleiku – Gia Lai	2	51,00%
Cty TNHH đầu tư xây dựng cầu đường Phước Hoàng Long	Khối phố 3- thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, Gia Lai	30	80,00%
Công ty CP xây dựng giao thông Minh Long Gia Lai	Thôn Hòa Bình, thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	30	51,00%
Công ty cổ phần BOT&BT Đức Long Đăk Nông	Tổ 9, Phường Nghĩa Thành – Gia Nghĩa – Đăk Nông	210	65,00%
Công ty cổ phần BOT&BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương – Chư Sê – Gia Lai	270	60,00%
Công ty cổ phần xây dựng giao thông Đức Long Gia Lai	30 Hùng Vương – Chư Sê - Gia Lai	50	51,00%



Công ty cổ phần Giáo dục - thể thao và du lịch Đức Long Gia Lai (chưa đi vào hoạt động)	120 Trần Phú – Pleiku – Gia Lai	65	55,00%
Công ty TNHH Một thành viên KT &CB Khoáng sản DLGL	Lô E6 Khu công nghiệp Trà đa – Pleiku- Gia lai	30	100,00%
Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai	211 thôn Phú Hà, xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	360	99,53%
CTCP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	12	55,56%
CTCP Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai	308-310 Cao Thắng, phường 12, quận 10, tp Hồ Chí Minh	100	51,00%

### Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn
CTCP Tư vấn xây dựng Giao thông Gia Lai	53 Quang Trung, Tp Pleiku, tỉnh Gia Lai	2.961	20,00%
Cty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	02 Đặng Trần Côn, p.Trà Bá, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai	60	33,33%
CTCP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú, p.Diên Hồng, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai	15	40,00%

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC MỤC TIÊU

**P**hần đầu đến năm 2020 Đức Long Gia Lai sẽ trở thành **một trong những Công ty đa ngành hàng đầu Việt Nam** có đủ năng lực để cạnh tranh với các Doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế trong nước và quốc tế.

**Về doanh thu và lợi nhuận:** Đức Long Gia Lai phấn đấu tốc độ tăng doanh thu hàng năm đạt từ 30% - 50%.

**Về thị trường:** Trong chiến lược phát triển, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường nội địa, duy trì, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm tăng thị phần.

### **Đ**ối với môi trường, xã hội, cộng đồng của Công ty

**Đối với môi trường:** Tập đoàn ĐLGL luôn xác định các hoạt động của mình sẽ góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường xung quanh, phù hợp với chính sách của nhà nước. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Đức Long Gia Lai luôn đề cao việc áp dụng kỹ thuật tiên bộ tránh ô nhiễm môi trường và đẩy mạnh các ngành giúp cải thiện môi trường như trồng rừng, chăm sóc rừng,...

**Đối với xã hội:** Tập đoàn luôn tích cực tập trung đầu tư phát triển những ngành phục vụ nhu cầu xã hội như ngành điện năng và xây dựng đồng thời góp phần tạo ra việc làm, giải quyết các vấn đề của xã hội.

**Đối với cộng đồng:** những công trình của tập đoàn xây dựng góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, đảm bảo cân bằng lợi ích của tập đoàn và lợi ích cộng đồng.



## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trở thành tập đoàn đầu tư đa ngành hàng đầu Việt Nam vào năm 2020 với các **Lĩnh vực cốt lõi:**

**Nông nghiệp:** Xây dựng ngành nông nghiệp theo mô hình khép kín với 3 lĩnh vực bổ trợ nhau: Chăn nuôi bò sữa, chăn nuôi bò thịt và trồng trọt cây nông nghiệp ngắn ngày. Sử dụng công nghiệp cao kết hợp kỹ sư chuyên nghiệp để phát triển một ngành nông nghiệp cơ giới hóa, hiệu quả cao và thu hồi vốn nhanh.

**Năng lượng:** Tập trung phát triển nguồn năng lượng tái tạo, theo hình thức phân tán kết hợp phát triển lưới điện thông minh đã và đang áp dụng rất thành công tại Đức. Phân đầu đưa dự án trở thành mô hình kiểu mẫu cho Việt Nam trong tương lai.

**Cơ sở hạ tầng:** Thi công và đưa vào khai thác các cơ sở hạ tầng tại các tỉnh Bình Phước, Đắk Nông và Gia Lai theo hình thức BOT; tổ chức đấu thầu và thi công như: Dự án đường BT 759 tỉnh Bình Phước; Dự án đường BT cửa khẩu Pubrăng tỉnh Đắk Nông; Dự án đường BT tránh Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông và Dự án đường BT Đắk Song- Đắk Nang tỉnh Đắk Nông và dự án BT Đak Lak. Ngoài ra, Tập đoàn đã đang sẽ tập trung mọi nguồn lực cho nhiều dự án BOT và BT đối với đường giao thông khác tại Tây Nguyên.

**Sản xuất linh kiện điện tử:** Phát triển và mở rộng quy mô lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử ở nước ngoài, đưa các sản phẩm điện tử viễn thông công nghệ cao vào thị trường Việt Nam. Đồng thời, xây dựng các nhà máy sản xuất điện tử ở nước ta, đáp ứng nhu cầu công nghệ ngày càng cao trong nước.

## CÁC YẾU TỐ RỦI RO

**Rủi ro kinh tế:** Nền kinh tế luôn tìm ẩn nhiều rủi ro do chịu ảnh hưởng của các yếu tố trong và ngoài nước tác động, là một chủ thể hoạt động trong nền kinh tế thì tập đoàn Đức Long Gia Lai cũng chịu ảnh hưởng nhất định lên hoạt động kinh doanh của mình.

Trong năm 2014, nền kinh tế đã đạt được nhiều thành tựu, tình hình vĩ mô ổn định như lạm phát dưới 5%, đây là mức lạm phát thấp nhất trong 10 năm trở lại đây do giá cả hàng hóa nguyên vật liệu trên thế giới giảm và đặc biệt là giá xăng dầu giảm mạnh; GDP tăng trưởng 5,9% cao hơn so với năm 2013 là 5,42%, đây là mức cao nhất sau thời kỳ tăng trưởng nóng trước đó; Xuất khẩu tăng 13,6% so với 2013, đạt kim ngạch xuất khẩu 150 tỷ USD, đặc biệt là tăng trưởng xuất khẩu của nội địa tăng 13% so với năm 2013 chỉ có 3,5%. Hưởng lợi từ các yếu tố vĩ mô đó, Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã trải qua một năm hoạt động đạt nhiều kết quả tích cực.

**Rủi ro lãi suất:** Với nhu cầu lớn về vốn để đáp ứng các mục đích đầu tư và hoạt động của tập đoàn, nguồn vốn vay đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu vốn của tập đoàn đặc biệt các khoản lãi suất thả nổi. Trong năm, lãi suất có diễn biến tốt khi tình hình vĩ mô ổn định, lạm phát thấp giúp lãi suất giảm 2% tạo điều kiện giúp Công ty giảm bớt gánh nặng tài chính.

**Rủi ro tỷ giá:** Rủi ro tỷ giá của tập đoàn chủ yếu đến từ các hoạt động xuất khẩu hàng hóa sang các nước Âu Mỹ. Biến động tỷ giá làm ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của tập đoàn đặc biệt là doanh thu của ngành sản xuất đồ gỗ xuất khẩu. Trong năm, tỷ giá được Nhà nước giữ ở mức tương đối ổn định chỉ điều chỉnh tăng giá vào giữa 6/2014 ở mức 1% so với trước đó, đây cũng là điểm thuận lợi cho các hoạt động xuất khẩu của Tập đoàn. Tuy nhiên, tỷ giá là yếu tố biến động bất thường và khó dự đoán do đó những biến động tỷ giá luôn là vấn đề mà Tập đoàn cần đặc biệt quan tâm. Để giảm thiểu rủi ro tập đoàn luôn chủ động quan sát và theo dõi tình hình thị trường ngoại hối để áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp, tăng doanh thu cho tập đoàn.

**Rủi ro pháp luật:** với đặc điểm là tập đoàn đa ngành thì các hoạt động luôn chịu ảnh hưởng của nhiều luật khác nhau. Những thay đổi về luật pháp có thể ảnh hưởng đến các dự án hoạt động của tập đoàn nhất là các hoạt động liên quan đến lĩnh vực về chế biến gỗ và khai khoáng. Chế biến gỗ dễ bị ảnh hưởng bởi luật pháp các nước khác, đặc biệt là thị trường Mỹ và Châu Âu vì chính phủ thường tạo rào cản kỹ thuật để bảo hộ cho sản phẩm nội địa. Ngành khai thác khoáng sản cũng bị ảnh hưởng mạnh từ quy định của pháp luật, đặc biệt là các quy định về yêu cầu cơ sở vật chất cũng như kỹ thuật khai thác. Trước tình hình này, tập đoàn ĐLGL luôn quan tâm theo dõi cập nhật những thay đổi trong văn bản luật đảm bảo hoạt động của tập đoàn luôn hợp pháp và minh bạch.

Tăng trưởng GDP và Lạm phát qua các năm





## Rủi ro đặc thù ngành

- **Rủi ro đối với ngành kinh doanh và chế biến sản phẩm gỗ:** Hiện nay, ngành đồ gỗ chủ yếu phục vụ cho thị trường xuất khẩu nước ngoài. Năm 2014 ghi nhận thành quả đáng kể của ngành đồ gỗ: Con số 6,23 tỷ USD giá trị xuất khẩu trong năm 2014 cùng với vị trí thứ 2 trong danh sách các quốc gia xuất khẩu đồ gỗ nhiều nhất khu vực châu Á đã mang đến cho ngành chế biến gỗ Việt Nam một tình hình lạc quan hơn hẳn thời gian khủng hoảng vừa qua. Tuy nhiên, nguồn nguyên liệu trong nước đang giảm do chính sách đóng cửa rừng của chính phủ đã có ảnh hưởng không nhỏ đối với ngành đồ gỗ của Tập đoàn.
- **Rủi ro đối với ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ:** Với đặc điểm của ngành là chi cần đầu tư lần đầu và tiếp tục công tác duy tu, thu phí nên đây là ngành ổn định ít bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế. Ngoài ra, với hình thức đầu tư “Nhà nước và tư nhân cùng làm” giúp cho hoạt động của công ty đảm bảo lâu dài, không bị ảnh hưởng bởi chính sách. Dòng tiền của ngành vẫn ổn định do nhu cầu đi lại của người dân vẫn cao. Do đó đây là ngành ít rủi ro và có nguồn thu ổn định.
- **Rủi ro đối với ngành khai thác và chế biến khoáng sản:** Rủi ro của ngành chủ yếu xuất phát từ chính sách quản lý của nhà nước và hoạt động đánh giá trữ lượng mỏ. Đây là ngành đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về kỹ thuật cũng như tiêu chuẩn về môi trường nên sự thay đổi trong chính sách quản lý có thể buộc công ty phải thay đổi hoàn toàn hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó, việc đánh giá trữ lượng của mỏ rất rủi ro, nếu không đánh giá chính xác thì chi phí phát sinh sẽ làm lợi nhuận bị ảnh hưởng đáng kể.
- **Rủi ro đối với ngành dịch vụ, khách sạn, resort:** Là ngành dịch vụ phục vụ du khách là

chủ yếu nên hoạt động của ngành dịch vụ, khách sạn và resort bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của nền kinh tế và tình hình thế giới. Trong năm, tình hình căng thẳng ở biển Đông và bất ổn trên thế giới đã tác động không nhỏ đến hoạt động của công ty. Để giảm thiểu rủi ro, tập đoàn không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cấp hệ thống khách sạn và resort để thu hút du khách.

- **Rủi ro đối với lĩnh vực xây dựng cầu đường:** Các dự án xây dựng cầu đường chủ yếu của công ty là các dự án BOT, các dự án này đều là con đường quan trọng nối liền các tỉnh khu vực Tây Nguyên với các tỉnh thành phía Nam nên có mật độ xe lưu thông cao đem lại nguồn thu cho công ty. Tuy nhiên, trong tương lai để mở rộng hoạt động tập đoàn sẽ phải cạnh tranh với nhiều công ty khách được thành lập và cả các công ty nước ngoài. Bên cạnh đó, giá nguyên vật liệu xây dựng không ổn định cũng gây khó khăn cho công tác thực hiện các công trình. Để giảm thiểu rủi ro, tập đoàn luôn chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp nguyên liệu giá rẻ, tích cực hợp tác với các đối tác nước ngoài để áp dụng kỹ thuật hiện đại tăng tính cạnh tranh và giảm thiểu chi phí hoạt động.

- **Rủi ro đối với ngành bất động sản:** Hiện nay do bị ảnh hưởng bởi tình hình chung nên ngành bất động sản đang giảm mạnh cùng với đó là chi phí nguyên vật liệu đầu vào biến động cũng làm ảnh hưởng đến hoạt động của ngành. Tuy nhiên, trong năm nhà nước đã tích cực hỗ trợ thị trường, ổn định kinh tế vĩ mô đặc biệt là tung ra các gói tín dụng lãi suất thấp nhằm hỗ trợ thị trường. Tập đoàn cũng đang tích cực tìm kiếm khách hàng, nghiên cứu thị trường để đáp ứng tốt nhất yêu cầu của người mua, chọn lọc và đánh giá cẩn thận các dự án mới để giảm thiểu rủi ro và tăng lợi nhuận cho công ty





## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014**

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

### Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong năm 2014

CHỈ TIÊU	ĐVT	2013	2014	2014/2013
Doanh thu thuần	Triệu đồng	801.760	1.005.809	25,45%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	716.334	900.027	25,64%
Lợi tức gộp	Triệu đồng	85.426	105.783	23,83%
Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	65.607	80.695	23,00%
Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	119.504	103.283	-13,57%
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	3.219	2.395	-25,60%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	27.223	33.323	22,41%
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Triệu đồng	1.087	47.477	4.267,11%
Lợi nhuận khác - Tổng	Triệu đồng	7.468	5.180	-30,64%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.863	52.609	569,07%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.676	54.267	3.137,90%

Trong năm 2014, Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã tận dụng mọi nguồn lực để thực hiện kế hoạch và tạo lợi nhuận cho cổ đông.

Sau gần một năm thực hiện chiến lược tái cấu trúc với 3 lĩnh vực trọng tâm: Nông nghiệp, Năng lượng và Cơ sở hạ tầng, ĐLGL đã và đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Những con số ấn tượng về doanh thu cũng như lợi nhuận hoạt động đã minh chứng cho những nỗ lực vượt bậc của ĐLGL. Cụ thể: Doanh thu thuần đạt mức cao nhất từ trước đến nay với giá trị 1.005.809 triệu đồng, tương đương mức tăng 25,45% so với cùng kỳ; Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD đạt 47.477 triệu đồng, tương ứng mức tăng 4.227,2% so với năm 2013; Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh từ 1.676 triệu đồng lên 54.267 triệu đồng, tương đương tăng trưởng 3.137,9% so với cùng kỳ. Cùng với đó, nhờ tiến hành cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng tập trung vào các dự án sinh lời ngắn hạn sau một thời gian dài tập trung đầu tư vào các lĩnh vực dài hạn, hoạt động SXKD của ĐLGL không ngừng tăng trưởng, đi vào ổn định và tạo được nguồn vốn thường xuyên cho việc đầu tư các lĩnh vực trọng yếu.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2014	TH2014	TH2014/KH2014
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.115	1.006	90,21%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	91	54.267	59,63%

Trong điều kiện kinh tế trong và ngoài nước dù đã khởi sắc nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, các kết quả đạt được vẫn chưa đạt mức kỳ vọng của ĐHĐCĐ thường niên 2014.





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Phạm Anh Hùng	Tổng giám đốc	0	0
2	Đỗ Thanh	Phó Tổng giám đốc thường trực	19.950	0,013%
3	Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc	0	0
4	Phạm Minh Việt	Phó Tổng giám đốc	0	0
5	Phạm Xuân Viên	Phó Tổng giám	0	0
6	Vũ Thị Hải	Kế toán trưởng	32.182	0,022%



#### Ông Phạm Anh Hùng - Tổng giám đốc

**Trình độ: Cử nhân luật**

**Quá trình công tác:**

- 2000 - 2005: nhân viên kinh doanh nông sản công ty XNK Gia Lai.
- 2006 - 2010: nhân viên kinh doanh nông sản công ty TNHH An Lạc.
- 11/2010 - 04/2011: Trợ lý chủ tịch HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 04/2011 - 31/12/2013: Trưởng ban đầu tư Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 01/01/2014 đến nay: Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



#### Ông Đỗ Thanh, Phó Tổng Giám đốc thường trực

**Trình độ: Cử nhân kinh tế**

**Quá trình công tác:**

- 1982 – 1986: Kế toán trưởng Xí nghiệp cơ khí Gia Lai.
- 1987 – 1991: Chuyên viên kinh tế sở Công nghiệp Gia Lai.
- 1992 - 2001: Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu Gia Lai.
- 2002 - 2005: KTT kiêm trưởng phòng kinh doanh XNTD ĐLGL.
- 2006 - 06/2007: Phó giám đốc kinh doanh XNTD ĐLGL.
- 06/2007 - nay: Phó tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



### **Ông Nguyễn Tiến Dũng, Phó Tổng Giám đốc**

**Trình độ: Cử nhân kinh tế**

**Quá trình công tác:**

- 1991 – 2002: Công tác tại Công ty Xuất nhập khẩu Tỉnh Gia Lai
- 2002 – 2007 : Kế toán trưởng Công ty Xuất nhập khẩu Tỉnh Gia Lai
- 2007 – 2008: Công tác tại Công ty Điện Gia Lai, Chuyên viên Ban đầu tư phát triển Tập đoàn ĐLGL
- 2008 – 2009: Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn ĐLGL
- 2009 - nay : Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư Tập đoàn ĐLGL.



### **Ông Phạm Minh Việt, Phó Tổng Giám đốc**

**Trình độ: Kỹ sư xây dựng cầu đường**

**Quá trình công tác:**

- 2000 - 2003: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Tư vấn Công trình Sài Gòn
- 2003 - 2006 : Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Tư vấn Phương Nam.
- 2006 - 2008: Giám đốc điều hành dự án Công ty CP ĐTXD và Thương mại Thăng Long.
- 2008 – 2010: Trưởng ban BOT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 2010 – nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách cơ sở hạ tầng Công ty CP Tập đoàn ĐLGL.



### **Ông Phan Xuân Viên, Phó Tổng Giám đốc**

**Trình độ: Cử nhân kinh tế**

**Quá trình công tác:**

- 1990 - 2005: Giám đốc Công ty XNK thương mại Thừa Thiên - Huế
- 2005 - 2006: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
- 2007 – nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách các dự án phía Nam kiêm Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc



### **Bà Vũ Thị Hải, Kế toán trưởng**

**Trình độ: Cử nhân kinh tế.**

**Quá trình công tác:**

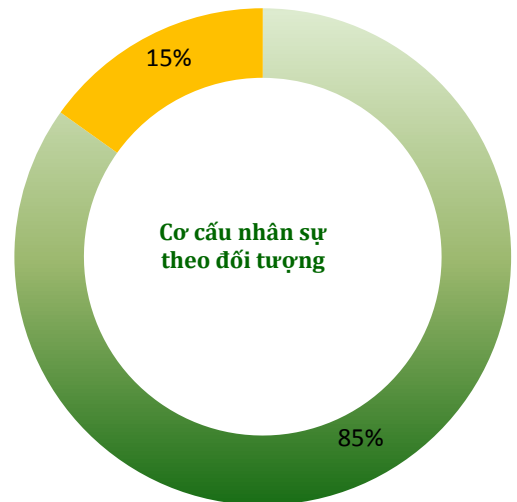
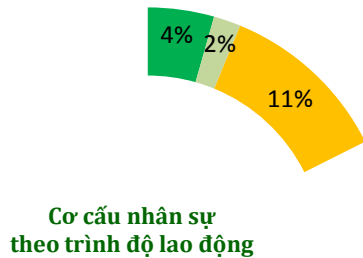
- 1987 - 2007 : Kế toán công ty dịch vụ du lịch Gia Lai.
- 01/2008 – 02/2008 : Kế toán tổng hợp CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- 03/2008 – 10/04/2011 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- 11.04/2011 – 8/07/2013: Trưởng Ban Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- 9/07/2013 – nay: Trưởng Ban Tài chính kiêm kế toán trưởng, trưởng ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

**Những thay đổi trong ban điều hành:** Ngày 01/01/2014, Tập đoàn Đức Long Gia Lai bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với ông Phạm Anh Hùng.

**Thống kê nhân sự**

Tổng số lượng cán bộ nhân viên toàn Tập đoàn tính đến 31/12/2014 là 4.349 người. Công ty luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Pháp luật về lao động. Mức lương bình quân của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty năm 2014 là 7 triệu đồng/người/tháng. Thu nhập bình quân hàng tháng trên 7,5 triệu đồng/người/tháng.

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	5.500.000	6.000.000	7.000.000
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.000.000	6.300.000	7.500.000



- Trình độ đại học và trên đại học
- Trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

- Lao động trực tiếp
- Lao động gián tiếp



## Một số chính sách đối với người lao động áp dụng trong năm 2014:

### **Chính sách tuyển dụng**

Được Công ty sử dụng khá linh hoạt với nhiều cách thức “tuyển” để “dụng” với những tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch... Với thông điệp “ĐỨC LONG - nơi hội tụ nhân tài”, đảm bảo số lượng và chất lượng nhân sự đầu vào có chất lượng cao mặc dù thị trường nhân sự trong lĩnh vực Công ty đang hoạt động ngày càng khan hiếm. Công tác tuyển dụng: được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty, thực hiện theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn dựa trên nguyên tắc tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên, thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Công ty.

### **Chính sách đào tạo:**

Đào tạo và phát triển nhân viên là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Đào tạo để cùng đồng hành và phát triển với Công ty được coi là chính sách quan trọng. Công ty luôn quan tâm và coi trọng chính sách đào tạo trong từng thời kỳ phát triển của Công ty, đào tạo là phương thức hỗ trợ CB-NV phát triển nghề nghiệp. Mỗi CB-NV đều được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo tại Công ty hoặc bên ngoài.

Dựa vào nội dung của từng khóa học, học viên sẽ được đào tạo thông qua các phương pháp đào tạo phù hợp, như: học lý thuyết, thảo luận, tiếp cận thực tế đưa ra các tình huống cụ thể sát với thực tế để giải quyết, hoặc kết hợp ngoại khóa... Cuối mỗi khóa đào tạo, học viên đều phải viết bài thu hoạch và báo cáo kết quả học tập về cho Ban Lãnh đạo công ty.

CB-CNV làm việc từ 6 tháng trở lên được tham gia đào tạo ngắn hạn trong nước theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào

tạo đột xuất theo nhu cầu của đơn vị và bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, bố trí tham gia các ban dự án, chương trình để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty.

### **Thăng tiến và phát triển nghề nghiệp:**

Tại Công ty, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch quy hoạch sử dụng nguồn nhân lực với một quy trình rõ ràng. Công ty có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong lao động được lãnh đạo đơn vị đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn cho công ty. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để điều hành các hoạt động của Công ty trong những năm tiếp theo.

Công ty có kế hoạch đánh giá năng lực và công việc định kỳ (6 tháng/lần) qua đó đánh giá mục tiêu công việc, mục tiêu phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.

### **Chính sách tiền lương:**

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Công ty xem trọng và liên tục hoàn thiện. Do đó, tại Công ty người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Hàng năm, người lao

động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên sẽ được xem xét điều chỉnh tăng lương sao cho phù hợp với mức tăng của hệ số trượt giá.

**Chính sách thưởng:**

Công ty thực hiện chế độ khen thưởng cho nhân viên căn cứ trên năng lực làm việc của mình. Công ty có chính sách thưởng bằng hiện kim thông qua việc đánh giá thi đua khen thưởng hàng quý, năm, xem xét quá trình công tác, đạt hiệu quả cao, thành tích tiêu biểu. Đồng thời, công ty cũng có chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật hoặc có những thành tích nổi bật trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của công ty, có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong việc phát triển công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách đề xuất thưởng theo danh hiệu thi đua của nhà nước đối với những tập thể và cá nhân có những thành tích xuất sắc vượt bậc theo tiêu chuẩn chung của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn. Kết quả thi đua khen thưởng của CB-NV được sử dụng làm cơ sở để thực hiện các chính sách của công ty, như : quy hoạch, đào tạo nguồn dự trữ kế thừa, nâng cao; nâng bậc lương trước thời hạn; đề bạt, bố trí chức vụ cao hơn.

**Chính sách phúc lợi:**

Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được Công ty quan tâm hàng đầu. Công ty đảm bảo các chế độ, chính sách được trả bằng hoặc cao hơn yêu cầu của pháp luật lao động. Tất cả các cán bộ nhân viên chính thức của Công

ty đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam, ngoài ra cán bộ nhân viên của Công ty còn được nhận các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty, được điều chỉnh hàng năm và có những chế độ như: thưởng các dịp Lễ, Tết, lương tháng 13, trợ cấp thâm niên, tham quan nghỉ mát, sinh nhật, kết hôn, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ khó khăn; được tham gia các hoạt động tổ chức Công đoàn, văn thể mỹ, thể dục thể thao.

**Môi trường - điều kiện làm việc:**

Với phương châm “Con người là yếu tố cốt lõi của sự cạnh tranh”, Công ty luôn hướng đến một môi trường làm việc hiện đại và chuyên nghiệp, nơi thật sự tôn vinh những tài năng và giá trị con người. Công ty không ngừng xây dựng một môi trường làm việc:

- Giao tiếp cởi mở và tôn trọng;
- Công việc thách thức và sáng tạo;
- Thu nhập cạnh tranh và công bằng;
- Cơ hội học tập /thăng tiến rõ ràng và không giới hạn;
- Thành tích được đánh giá khách quan và khoa học;
- Công việc ổn định và được chăm sóc chu đáo.

Công ty luôn chú tâm duy trì không khí thoải mái, vui vẻ khi làm việc. Các hoạt động thường xuyên được tổ chức như: các giải thể thao, văn nghệ, tổ chức sinh nhật cho CBNV, ngày Hội gia đình và các hoạt động sinh hoạt như dự các ngày lễ truyền thống của đất nước và Công ty, các hoạt động chung vì cộng đồng v.v.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

*Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn phát sinh trong năm:*

Đầu tư ngắn hạn: Chủ yếu là cho vay tổ chức và cá nhân ngắn hạn:

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	2014/2013
Cho vay ngắn hạn	Tr.đồng	253.271	453.657	79,12%
<i>Tổ chức</i>	Tr.đồng	207.880	412.873	98,61%
<i>Cá nhân</i>	Tr.đồng	45.391	40.784	-10,15%
Tiền gửi ngắn hạn	Tr.đồng	-	340.000	-
<b>Tổng đầu tư ngắn hạn</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>253.271</b>	<b>793.657</b>	<b>213,36%</b>

Đầu tư dài hạn

Chỉ tiêu	2013 (Tr.đồng)	2014 (Tr.đồng)	+/-
Đầu tư mua cổ phần	53.771	57.537	7,00%
CTCP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn	5.600	5.600	-
CTCP ĐĐT XD Nam Nguyên	968	968	-
CTCP Khoáng sản luyện kim Tây Nguyên	42.500	46.266	8,86%
CTY TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL	1.200	1.200	-
CTCP Đầu tư và PT Điện năng ĐLGL	3.503	3.503	-
Cho vay	209.325	223.747	6,89%
CTY TNHH Đức Long Dung Quất	53.174	67.100	26,19%
DNTN Du lịch Lữ hành & Đầu tư XD NHHTC	6.976	2.992	-57,11%
CTCP Dịch vụ Công Cộng ĐL Bảo Lộc	-	480	-
CTCP ĐT & KD Bất động sản ĐLGL	-	4.000	-
CTY TNHH MTV Việt Gia Phát	149.175	149.175	-
Tiền gửi trên 12 tháng	-	4.400	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>263.096</b>	<b>285.684</b>	<b>8,59%</b>





**Các công ty con, công ty liên kết:**

- ❖ Một số chỉ tiêu tóm tắt tài chính của một số Công ty con (tỷ đồng)

<b>CTCP chế biến gỗ ĐLGL</b>	<b>ĐVT</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>
Doanh thu	Tỷ đồng	14,288	14,019
LNTT	Tỷ đồng	0,274	0,291
Tài sản	Tỷ đồng	78,222	79,883
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	35	35

<b>CTCP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng ĐLGL</b>	<b>ĐVT</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>
Doanh thu	Tỷ đồng	19,096	22,416
LNTT	Tỷ đồng	3,603	4,326
Tài sản	Tỷ đồng	45,306	53,894
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	28,56	31,42

<b>CTCP Đầu tư xây dựng ĐLGL</b>	<b>ĐVT</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>
Doanh thu	Tỷ đồng	0	4,328
LNTT	Tỷ đồng	-0,155	0,027
Tài sản	Tỷ đồng	1,404	66,089
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2	2

<b>Công ty TNHH đầu tư xây dựng cầu đường Phước Hoàng Long</b>	<b>ĐVT</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>
Doanh thu	Tỷ đồng	2,001	3,101
LNTT	Tỷ đồng	0,011	-0,053
Tài sản	Tỷ đồng	152,66	75,65
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	30	30

<b>Công ty TNHH Một thành viên KT &amp;CB Khoáng sản ĐLGL</b>	<b>ĐVT</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>
Doanh thu	Tỷ đồng	61,04	44,18
LNTT	Tỷ đồng	0,27	-11,33
Tài sản	Tỷ đồng	8,26	5,3
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	30	30

<b>Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai</b>	<b>ĐVT</b>	<b>2014</b>
Doanh thu	Tỷ đồng	61,758
LNTT	Tỷ đồng	42,118
Tài sản	Tỷ đồng	143,93
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	360,5



❖ **Một số chỉ tiêu tóm tắt tình hình tài chính Công ty liên kết**

Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Giao thông Gia Lai

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014
Doanh thu	Tỷ đồng	14,6	17,4
LNTT	Tỷ đồng	2	6
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2,9	2,9
Số lao động	Người	30	50

Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014
Doanh thu	Tỷ đồng	220,49	428,48
LNTT	Tỷ đồng	0,118	0,171
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	60	60
Số lao động	Tỷ đồng	60	70



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

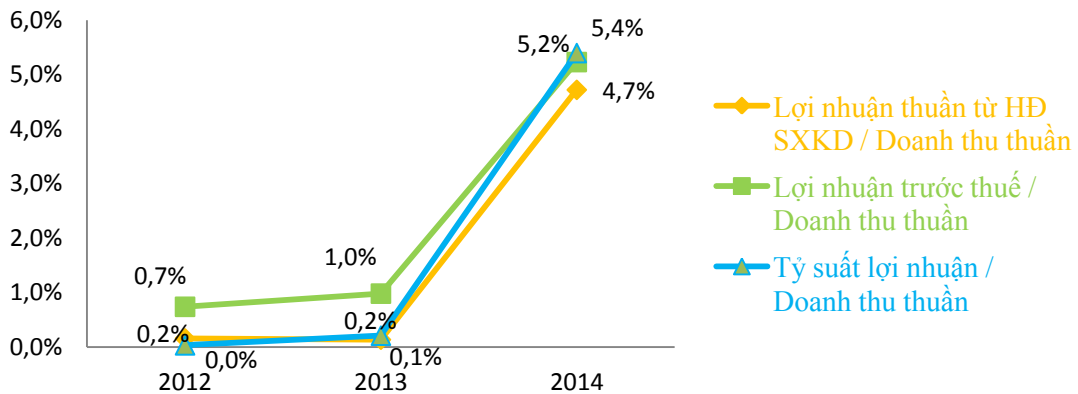
### Tình hình tài chính

- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	2014 so với 2013
1	Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	2.420.313	4.111.652	69,88%
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	801.760	1.005.809	25,45%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Tr.đồng	1.087	47.477	4.267,11%
4	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	7.468	5.180	-30,64%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	7.863	52.609	569,07%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	1.676	54.267	3.137,90%

- Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sinh lời

Khả năng sinh lời qua các năm





**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,64	2,93
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,84	2,23
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Nợ/Tổng tài sản	%	62	59
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	187	157
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	2,01	2,52
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,35	0,31
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,21	5,40
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,21	4,59
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,07	1,66
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,14	4,72

Tất cả các chỉ số tài chính đều thể hiện xu hướng chung trong năm 2014 là sự chuyển biến tích cực, thể hiện tình hình tài chính ngày càng lành mạnh với mức độ thanh khoản trong ngắn hạn tốt hơn; mức độ lệ thuộc vào vốn vay, nợ phải trả giảm, các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời tăng trưởng đột biến.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

### Thông tin cổ phần

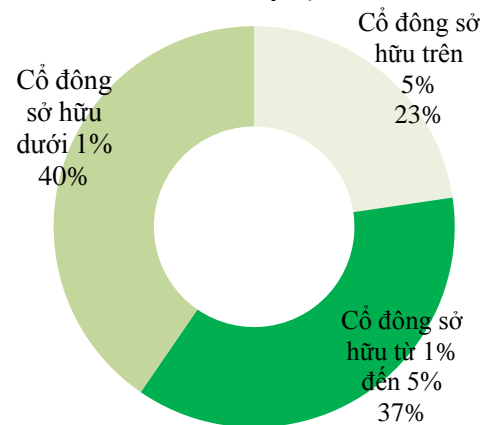
Số cổ phiếu đã phát hành	: 149.253.508 cổ phần
Số cổ phiếu phổ thông	: 149.253.508 cổ phần
Số cổ phiếu ưu đãi	: 0 cổ phần
Số cổ phiếu đang lưu hành	: 149.253.508 cổ phần
Số cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phần
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần

### Cơ cấu cổ đông Theo danh sách chốt ngày 18.3.2015

#### Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
<b>Cổ đông trong nước</b>	149.120.449	99,91%
<i>Cá nhân</i>	148.040.183	99,19%
<i>Tổ chức</i>	1.080.266	0,72%
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	133.059	0,09%
<i>Cá nhân</i>	121.917	0,08%
<i>Tổ chức</i>	11.142	0,01%
<b>Tổng cộng</b>	<b>149.253.508</b>	<b>100,00%</b>

#### Cơ cấu theo tỷ lệ sở hữu



#### Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Bùi Pháp	230512386	03 Trần Quang Khải, TP. Pleiku, Gia Lai	33,840,387	22.673%

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tháng 10/2014 Tập đoàn ĐLGL đã phát hành tăng vốn điều lệ lên gần 1.492,5 tỷ đồng thông qua 03 hình thức như sau:

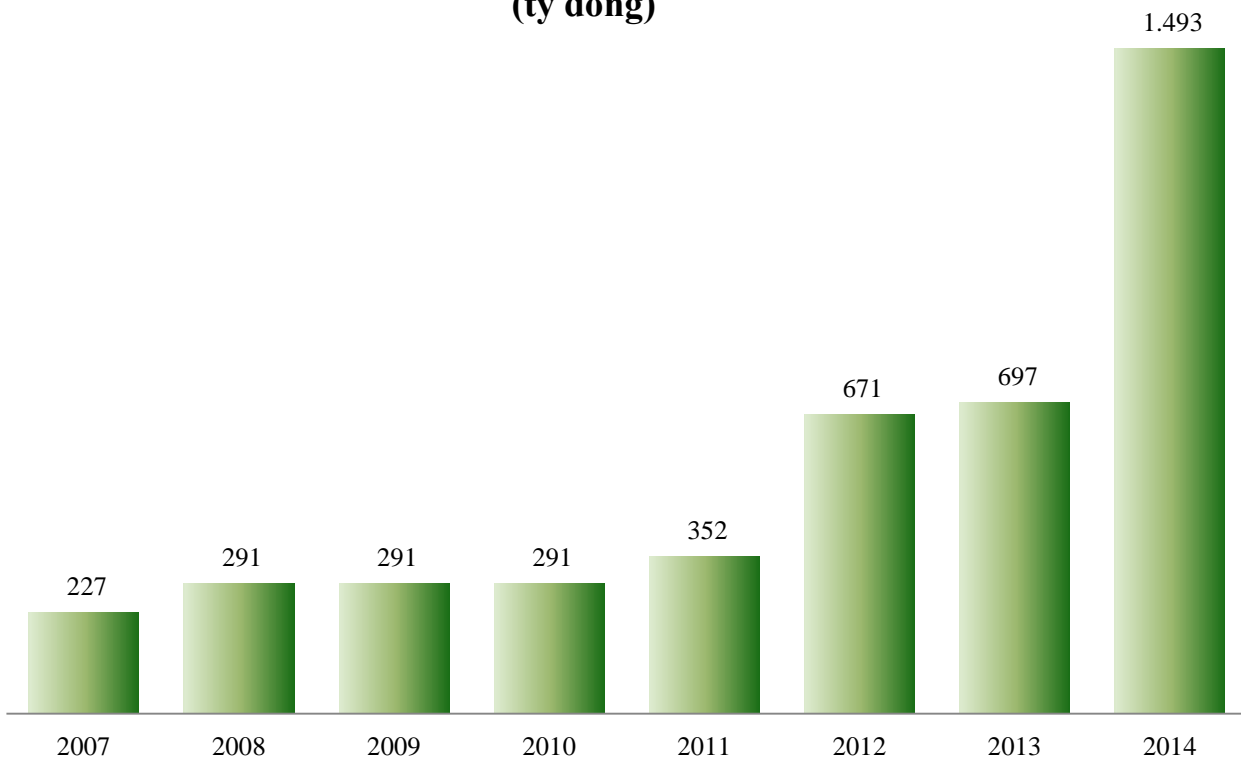
Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2013 và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 1:1).

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 79.508.610 cổ phần
- Số lượng cổ đông được phân phối: 1.906 cổ đông

**Giao dịch cổ phiếu quỹ: không**

**Các chứng khoán khác phát hành trong năm: không có**

### Quá trình tăng vốn 2007-2014 (tỷ đồng)







**BÁO CÁO  
CỦA BAN  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



# DÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## ❖ Môi trường kinh doanh năm 2014

Năm 2014, trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm, kinh tế trong nước mặc dù có được cải thiện song vẫn còn gặp nhiều khó khăn: hàng tồn kho vẫn ở mức cao, sức hấp thụ vốn còn yếu, nợ xấu vẫn còn là một gánh nặng. Thị trường chứng khoán cũng như bất động sản đã có nhiều thay đổi theo chiều hướng tích cực, môi trường kinh tế toàn cầu đang dần cân bằng hơn, nhu cầu nội địa tăng lên. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của việc Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép trên biển Đông khiến tình hình chính trị, an ninh, quốc phòng và kinh tế phải đối mặt với nhiều vấn đề khó khăn, thách thức.

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo điều hành sát sao của Chủ tịch HĐQT, Ban TGD đã không ngừng nỗ lực khắc phục khó khăn, chủ động ứng phó biến động của thị trường, đề ra các quyết sách phù hợp, từng bước ổn định, phát triển hoạt động SXKD. Ban Tổng Giám đốc luôn chú trọng phát huy thế mạnh Tập đoàn, quyết liệt thực hiện chiến lược tái cấu trúc đã đề ra tại Đại hội cổ đông năm 2014, phát triển theo chiều sâu, bám sát Nghị Quyết của Hội đồng quản trị để thực hiện những mục tiêu kế hoạch đề ra và đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận.

## ❖ Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	TH2013	KH 2014	TH2014	TH2014/TH2013	TH2014/KH2014
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	801,7	1115	1.006	25,48%	90,21%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.68	91	54.27	3.130,4%	59,634%

Lợi nhuận sau thuế tăng

**3.130%**

so với cùng kỳ năm 2013

Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và công ty nói riêng, đạt được kết quả SXKD như trên là nhờ nỗ lực rất lớn từ Ban Lãnh đạo đến toàn thể CBCNV Công ty. Doanh thu năm 2014 tăng so với năm 2013, kéo theo lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng 3.130% so với cùng kỳ năm 2013.

Tuy nhiên, so với kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đã thông qua thì kết quả thực hiện năm 2014 vẫn chưa đạt yêu cầu: Doanh thu đạt được năm 2014 đạt 90%, lợi nhuận sau thuế đạt gần 60% chỉ tiêu kế hoạch. Nguyên nhân dẫn đến kết quả thực hiện năm 2014 không đạt như Đại hội cổ đông đã đề ra là do:

- ✓ Chi phí đầu vào của một số ngành SXKD cơ bản tiếp tục tăng cao, tập trung vào các Dự án lớn của Tập đoàn: Dự án nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 14 theo hình thức BOT; Dự án nông nghiệp tại ba tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông; Dự án thủy điện Đắk Pô Kô,...
- ✓ Các Dự án bất động sản tại Gia Lai dự kiến mang lại nguồn thu cho Tập đoàn, tuy nhiên trong quá trình triển khai Dự án do tình hình khó khăn, tập quán của người dân địa phương chưa có nhu cầu ở chung cư cao tầng,...nên bắt buộc Công ty phải đầu tư để thay đổi công năng khai thác có hiệu quả đối với Dự án.

Tuy nhiên, kết quả đạt được như trên là rất đáng được trân trọng. Đó không chỉ là việc ghi nhận công lao to lớn từ sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn đến các cấp lãnh đạo, cán bộ chủ chốt, người lao động trong Tập đoàn mà nhà đầu tư, cổ đông bên ngoài cũng đã nhìn nhận, đánh giá kết quả đạt được là tích cực khi so sánh với kết quả của Tập đoàn với các doanh nghiệp khác.





**Tình hình nợ phải trả**

Chỉ tiêu	2013		2014		2014/2013
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	461.046	30,56%	648.153	26,51%	40,58%
Nợ dài hạn	1.047.762	69,44%	1.796.395	73,49%	71,45%
Tổng nợ	1.508.807	100,00%	2.444.547	100,00%	62,02%

Tổng nợ phải trả của Công ty trong năm 2014 tăng 62% so với 2013 trong đó tăng chủ yếu là ở nợ dài hạn. Khoản mục nợ dài hạn tăng hơn 71% trong khi nợ ngắn hạn chỉ tăng hơn 40% làm tăng tỷ trọng nợ dài hạn lên 73%. Công ty chủ yếu tăng nợ vay dài hạn nhằm tài trợ hoạt động đầu tư Dự án.

**Về tình trạng nợ phải trả xấu**

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Tuổi nợ dưới 1 năm		Tuổi nợ trên 1 năm	
	2013	2014	2013	2014
Các khoản vay và nợ	116.956	148.337	1.043.404	1.795.542
Trái phiếu chuyển đổi	1.385	404	-	-
Phải trả người bán	141.768	205.487	-	-
Chi phí phải trả	21.041	21.878	-	-
Phải trả khác	116.151	224.709	-	-
Tổng cộng	397.301	600.815	1.043.404	1.795.542

Công ty không có tình trạng nợ quá hạn, nợ phải trả xấu, do đó, Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn. Đối với các khoản nợ trong hạn, Công ty có đủ khả năng để tạo đủ nguồn tiền đáp ứng các nghĩa vụ khi đến hạn.

## Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có nguồn gốc ngoại tệ, Công ty chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

## Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Do có các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Theo đó, có bất cứ biến động nào về lãi vay đều có tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn thời điểm trả nợ thích hợp. Do vậy, biến động lãi suất ngoài dự tính vẫn được duy trì ở mức thấp.



## Các thành tựu trong năm 2014

### Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:

Năm 2014, Hội đồng quản trị đã mạnh dạn tái cấu trúc doanh nghiệp tập trung thực hiện chiến lược tái cấu trúc mạnh mẽ được đề ra tại Đại hội cổ đông với 3 lĩnh vực trọng tâm: Nông nghiệp, năng lượng, cơ sở hạ tầng.

#### Phát triển cơ sở hạ tầng

Với 3 dự án trọng điểm: BOT Gia Lai, BOT Đăk Nông và gói trái phiếu Chính phủ thuộc dự án BT Đăk Lăk, Tập đoàn đã đồng bộ thi công tất cả các gói thầu, tăng cường nhà thầu năng lực, đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình. Hiện các dự án đang được tích cực đẩy nhanh công tác thi công, chậm nhất đến ngày 31/5 hoàn thành dự án BOT Đăk Nông, 31/6 hoàn thành dự án BOT Gia Lai và gói trái phiếu Chính phủ để đi vào khai thác và thu phí hoàn vốn.

#### Nông nghiệp

Tập đoàn đang triển khai đầu tư xây dựng Dự án tại 03 tỉnh Gia Lai, Đăk Lăk, Đăk Nông. Riêng tại tỉnh Gia Lai đã hoàn thành việc xây dựng nhà máy và các công trình phụ trợ, văn phòng làm việc, nhà ở cho CBCNV,... Hai Dự án tại tỉnh Đăk Lăk và Đăk Nông đang hoàn thiện các thủ tục và phần xây dựng cơ bản để tiếp tục triển khai Dự án nông nghiệp tại 2 tỉnh trong Quý II/2015. Trong năm 2014, nông nghiệp mang lại doanh thu 61,75 tỷ đồng và đạt lợi nhuận trước thuế 42,12 tỷ đồng, đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn DLGL hợp tác toàn diện với Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk) và Tập đoàn hàng đầu thế giới Delaval (Thụy Điển) nhằm đẩy mạnh đầu tư mở rộng lĩnh vực nông nghiệp với quy mô lớn tại khu vực Tây Nguyên và các vùng cận biên như Lào, Campuchia. Hợp tác chiến lược lâu dài với Quỹ đầu tư Global Emerging Markets (GEM) nhằm đáp ứng nhu cầu vốn, mở rộng thị trường.

#### **Công tác nhân sự:**

- ✓ Năm 2014 đánh dấu bước tái cấu trúc nhân sự rõ rệt, Công ty đã thu hút được nhiều nhân sự ở vị trí cấp cao về nắm giữ những vị trí then chốt trong Tập đoàn, bổ nhiệm mới 03 thành viên Hội đồng quản trị nâng số thành viên HĐQT lên 8 người, cùng với sự phát huy cao độ tinh thần đoàn kết của CBNV toàn công ty, đây chính là bước tạo đà cho phát triển năm 2015 và những năm tiếp theo.
- ✓ Khởi động phong trào đào tạo cán bộ chủ chốt cho Dự án nông nghiệp: Tập đoàn đã tuyển chọn nhiều sinh viên tốt nghiệp Đại học chuyên ngành: chăn nuôi, trồng trọt có học lực khá, giỏi và gửi đi đào tạo tại các trang trại chăn nuôi bò sữa của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk) tại Tuyên Quang, Nghệ An, Thanh Hóa và Bình Định, đây là nguồn nhân lực quan trọng để chuẩn bị khởi động Dự án nông nghiệp của Tập đoàn DLGL.

#### **Hoạt động an sinh xã hội:**

- ✓ Trong năm 2014-2015, Tập đoàn DLGL đã hỗ trợ 1,1 tỷ đồng cho Quỹ xã hội từ thiện công đoàn giao thông vận tải, ủng hộ 15 tỷ đồng cho chương trình Nhịp cầu yêu thương do Bộ GTVT phát động để xây dựng cầu treo phục vụ cho đồng bào dân tộc các tỉnh Tây Nguyên.
- ✓ Tham dự và ủng hộ chương trình lễ kỉ niệm 5 năm ngày thành lập Đảng bộ huyện Chupuh và đón nhận huân chương lao động hạng ba. Tài trợ cho chương trình giải Việt dã do báo Gia Lai tổ chức và nhiều chương trình của các tổ chức khác tổ chức tại Gia Lai.

#### **Công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu:**

- ✓ Đội bóng chuyên nam DLGL đã đạt được nhiều thành tích đáng kể: giải Á Quân tại cuộc thi bóng chuyền Vô địch Quốc gia 2014 và đoạt thứ hạng 11/14 giải bóng chuyền Cúp C1 Châu Á và một số giải thưởng danh giá khác.
- ✓ Tổ chức nhiều sự kiện có ý nghĩa, nâng cấp website và kịp thời đăng tải những thông tin về Tập đoàn DLGL và các Công ty thành viên. Hoàn thành việc xây dựng phóng sự 10 sự kiện tiêu biểu trong năm 2014. Nhìn chung, hoạt động PR trong năm 2014 có nhiều tiến bộ so với các năm trước. Bộ phận PR đã tạo được mối quan hệ rộng rãi với các cơ quan báo đài địa phương và Trung ương góp phần đưa thương hiệu DLG ngày càng lan rộng cả trong và ngoài nước.



## MỘT SỐ CẢI TIẾN TRONG NĂM 2014

- ❑ **Cải tiến chiến lược:** Năm 2014 là năm đầu tiên Đức Long Gia Lai thực hiện chiến lược tái cấu trúc. Việc hợp tác với Investor Relation; KCSA Strategic Communication của Mỹ để thu hút đầu tư.
- ❑ **Cải tiến trong chính sách quản lý:** trong năm 2014, DLG chú trọng phát triển nguồn nhân sự cấp cao, thể hiện trong việc bầu bổ sung 3 thành viên vào Hội đồng quản trị của Tập đoàn. Các thành viên mới đều là những người có trình độ chuyên môn cao và dày dặn kinh nghiệm trong các lĩnh vực tài chính, chứng khoán, nông nghiệp, đầu tư... Phù hợp với định hướng phát triển của Tập đoàn. Đồng thời, trong năm 2014, Tập đoàn cũng xây dựng, chỉnh sửa và ban hành nhiều quyết định, văn bản, nội quy của Tập đoàn, tạo điều kiện trong việc tuyển dụng nhân sự mới và duy trì nhân sự hiện tại; chú trọng việc đào tạo nhân sự trẻ, có năng lực từ đó tạo môi trường làm việc hiệu quả, năng động.





*Doanh thu* **2.500** tỷ đồng

*Lợi nhuận sau thuế* **265** tỷ đồng





Bước sang giai đoạn mới 2015-2020, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục chú trọng đầu tư, phát triển 4 lĩnh vực trọng tâm trong chiến lược tái cấu trúc: *Nông nghiệp, năng lượng và cơ sở hạ tầng, sản xuất linh kiện điện tử.*

## NÔNG NGHIỆP

Chủ yếu phát triển trên 3 hướng chính: Phát triển chăn nuôi bò sữa, chăn nuôi bò thịt và trồng trọt. Với mục tiêu hình thành dự án quy mô 80.000 con bò sữa, 45.000 con bò thịt, Tập đoàn đã tiến hành tạo dựng mối quan hệ hợp tác chiến lược với nhiều đối tác uy tín, hỗ trợ thực hiện thành công dự án như: Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk), Tập đoàn hàng đầu thế giới về giải pháp chuồng trại Delaval (Thụy Điển), Trung tâm nghiên cứu và phát triển chăn nuôi gia súc lớn Bình Dương. Đồng thời, Tập đoàn đã chuẩn bị đầy đủ nhân lực, vật lực và nguồn tài chính để triển khai xây dựng chuồng trại, nhà máy, hình thành những trang trại quy mô lớn, phục vụ hoạt động chăn nuôi, trồng trọt. Các dự án tại 3 tỉnh Đắk Nông, Đắk Lắk và Gia Lai đang hoàn thiện các thủ tục phát lý để triển khai xây dựng trong quý II/2015.

Chú trọng đầu tư, sản xuất nguồn năng lượng sạch. Theo đó, Tập đoàn sẽ hợp tác với Tập đoàn Merica (Đức) nhằm phát triển dự án “Giải pháp đầu tư sản xuất, quản lý điện năng toàn diện và bền vững: động lực thúc đẩy phát triển kinh tế Côn Đảo nói riêng và Việt Nam nói chung”. Dự án này sẽ là mô hình kiểu mẫu cho Việt Nam trong tương lai và phát triển năng lượng tái tạo theo mô hình phát triển nguồn điện phân tán và giải pháp lưu điện công nghệ cao, kết hợp phát triển lưới điện thông minh đã và đang áp dụng rất thành công tại CHLB Đức. Liên doanh DLGL Group và Merica Group sẽ tiếp tục mở rộng quy mô, phát triển dự án này trên toàn lãnh thổ các đảo và đất liền Việt Nam.

## NĂNG LƯỢNG

## CƠ SỞ HẠ TẦNG

Trong năm 2015, Ban Tổng Giám đốc quyết tâm chỉ đạo, đôn đốc, đẩy mạnh công tác thi công các “Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14, đoạn Pleiku - cầu 110 tỉnh Gia Lai theo hình thức hợp đồng BOT”, gói trái phiếu Chính phủ tại Đắk Lắk, đảm bảo hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch để đi vào khai thác hoàn vốn. Riêng “Dự án nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14), đoạn Km817- Km887 tỉnh Đắk Nông theo hình thức hợp đồng BOT” sẽ cơ bản hoàn thành và đi vào thông tuyến, sớm hơn so với kế hoạch. Khi các dự án này đồng loạt đi vào khai thác hoàn vốn sẽ đóng góp không nhỏ vào doanh thu, lợi nhuận của Đức Long Gia Lai. Ngoài các dự án đang thi công, Tập đoàn sẽ tiếp tục tham gia đấu thầu các dự án giao thông quy mô lớn trong cả nước, từng bước khẳng định năng lực, vị thế của Đức Long Gia Lai trong lĩnh vực nhiều tiềm năng này.

## LINH KIẾN ĐIỆN TỬ

Trong năm 2015, Tập đoàn sẽ hoàn thiện các thủ tục cần thiết, theo quy định, thực hiện phát hành hoán đổi cổ phiếu với Công ty Mass Noble Limited, một Công ty có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất linh kiện, các thiết bị điện tử, xuất khẩu sang thị trường các nước trên thế giới. Sau khi thương vụ này hoàn tất, DLGL sẽ chính thức thâm nhập vào lĩnh vực nhiều tiềm năng phát triển này.



Ngoài 4 lĩnh vực trọng tâm là Nông nghiệp, năng lượng và cơ sở hạ tầng, sản xuất linh kiện điện tử, Tập đoàn vẫn tiếp tục đầu tư theo chiều sâu các dự án, các lĩnh vực truyền thống như: Sản xuất và Chế biến gỗ, đá Granite; Kinh doanh bến xe; Dịch vụ bảo vệ, vệ sĩ, Đầu tư và kinh doanh bất động sản; Trồng và Chế biến cao su; đẩy mạnh khởi công nhanh chóng Dự án Khách sạn Mỹ Khê – Đà Nẵng, Dự án Thủy điện Đăk Pô Kô, để đưa vào khai thác. Thực hiện rà soát lại toàn bộ những đơn vị, chi nhánh hoạt động kém hiệu quả nhằm hạn chế đầu tư dàn trải mà đầu tư có chọn lọc và tập trung vào một số dự án trọng tâm, trọng điểm thuộc các ngành nghề chiến lược mà Tập đoàn đang có nhiều lợi thế để phát sinh doanh thu và mang lại lợi nhuận cao để đảm bảo tập trung sức mạnh và nguồn lực, phát triển theo hướng chuyên ngành.



# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



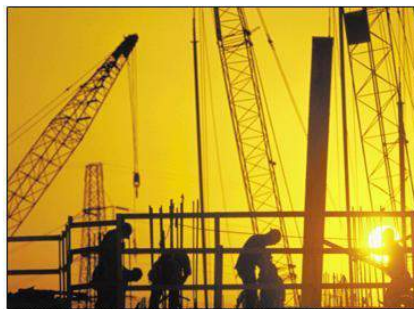
 **DLGL GROUP**



## Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Sau một năm thực hiện chiến lược tái cấu trúc với 3 lĩnh vực trọng tâm: *Nông nghiệp, Năng lượng và Cơ sở hạ tầng*, ĐLGL đã và đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ, ĐLGL không chỉ gia tăng doanh thu lợi nhuận từ hoạt động nông nghiệp và cơ sở hạ tầng mà còn đạt được những thương vụ hợp tác chiến lược lâu dài với các đối tác uy tín trong và ngoài nước như.

Cùng với đó, nhờ tiến hành cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng tập trung vào các dự án sinh lời ngắn hạn sau một thời gian dài tập trung đầu tư vào các lĩnh vực dài hạn, hoạt động SXKD của ĐLGL không ngừng tăng trưởng, đi vào ổn định và tạo được nguồn vốn thường xuyên cho việc đầu tư các lĩnh vực trọng yếu.



[...Đi là đến...]



Cụ thể, các kết quả đạt được như sau:

### ***Đối với hoạt động SXKD***

Trong giai đoạn này, HĐQT đã điều chỉnh giải pháp về đầu tư như sau: Tập trung nguồn lực, quyết liệt đầu tư các lĩnh vực ngành nghề trong chiến lược tái cấu trúc, ngoài ra, tiếp tục đầu tư chiều sâu các ngành nghề kinh doanh truyền thống mà Tập đoàn đã gây dựng từ thời kỳ đầu thành lập. Trong đó, hạn chế đầu tư dàn trải, chỉ tập trung vào những dự án trọng tâm, trọng điểm thuộc các ngành nghề chiến lược mà Tập đoàn đang có nhiều lợi thế để phát sinh doanh thu và mang lại lợi nhuận cao.

Về chiến lược sau khi tái cấu trúc với 3 lĩnh vực trọng tâm: Nông nghiệp, năng lượng và cơ sở hạ tầng: Sau 1 năm chính thức triển khai thực hiện, đến nay, từng lĩnh vực đã và đang đạt được những kết quả khả quan, chỉ tính riêng lĩnh vực nông nghiệp đã đóng góp đến 70% lợi nhuận của ĐLGL. Kết quả này từng bước chứng minh chiến lược tái cấu trúc HĐQT đã đề ra là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với xu hướng phát triển hiện nay. Cụ thể như sau:

Tổng kết năm 2014, Doanh thu thuần đạt gần 1.006 tỷ đồng, đạt 90,2% so với kế hoạch cả năm, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 54 tỷ đồng, tương đương gần 60% so với kế hoạch năm. Tháng 10/2014 Tập đoàn ĐLGL đã phát hành thành công 100% cổ phần cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông để tăng vốn điều lệ lên gần 1.500 tỷ đồng, tương đương gần 150 triệu cổ phiếu.

### **NÔNG NGHIỆP**

- ✓ Đầu tư xây dựng Nhà máy sấy bắp và bảo quản nông sản; Trồng 350 ha bắp tại dự án trồng cao su xã IaBlứ, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.
- ✓ Đầu tư xây dựng trang trại nuôi bò thịt tại dự án trồng cao su xã IaBlứ, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.
- ✓ Tổ chức kiểm tra, khảo sát đất tại các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông để triển khai đầu tư dự án chăn nuôi bò sữa, bò thịt và trồng cây nông nghiệp ngắn ngày trong năm 2015.



- ✓ Thủy điện: Tiếp tục duy trì một số thủy điện đã và đang hoạt động hiệu quả nhằm ghi nhận doanh thu, đồng thời, tích cực đầu tư xây dựng dự án mới với thiết kế hiện đại, hiệu quả hơn.
- ✓ Dự án điện năng lượng mặt trời: Triển khai tại Côn Đảo- tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Mục tiêu dự án nhằm phát triển năng lượng tái tạo theo mô hình phát triển nguồn điện phân tán và giải pháp lưu điện công nghệ cao, kết hợp phát triển lưới điện thông minh đã và đang áp dụng rất thành công tại CHLB Đức. Tập đoàn DLGL đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đưa dự án vào triển khai thực hiện.

### XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG

(Các dự án BOT Đắk Nông và BOT Gia Lai): Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, các dự án BOT trong năm 2014 triển khai đồng bộ và đã đạt được khối lượng thi công đáng kể, đảm bảo đúng tiến độ đã cam kết với Bộ GTVT. Với tiến độ như vậy, khoảng giữa năm 2015 các dự án sẽ hoàn thành và đưa vào thông tuyến, thu phí hoàn vốn dự án.





### ***Hoạt động nghiên cứu và phát triển và các hoạt động khác***

Bên cạnh việc mở rộng lĩnh vực thu hút nguồn vốn, hợp tác đầu tư, đạt được thỏa thuận hợp tác chiến lược với nhiều đối tác uy tín trong và ngoài nước, Đức Long Gia Lai còn hướng tới mục tiêu phát triển dài hạn, hiệu quả, phù hợp với tình hình kinh tế trong và ngoài nước, ĐLGL chú trọng đầu tư vào công tác nghiên cứu và phát triển. HĐQT DLGL thường xuyên quan tâm đến việc khuyến khích tinh thần sáng tạo trong hoạt động của nhân viên cũng như đội ngũ lãnh đạo nhằm đưa ra giải pháp khác biệt, hiệu quả và tiên tiến. ĐLGL tích cực sử dụng những tiến bộ khoa học vào SXKD cũng như trong hoạt động quản lý, điều hành Tập đoàn.

Với những mục tiêu, kế hoạch mới trong năm 2014, HĐQT Đức Long Gia Lai cũng tăng cường Công tác kiểm tra, kiểm soát. Hoạt động này được tiến hành thường xuyên và đột xuất, nhiều cuộc kiểm tra đạt kết quả, tích cực đưa ra các biện pháp khắc phục, xử lý sau thanh tra và có hình thức chế tài phù hợp.



## Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã tích cực trong công tác điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD và đầu tư trong năm 2014, nhưng vẫn còn những hạn chế cần khắc phục.

- ✓ Các thành viên Ban Tổng Giám đốc chủ động thực hiện nhiệm vụ đối với các lĩnh vực công việc được giao, đồng thời phải phối kết hợp với các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc trao đổi kinh nghiệm, kết quả thực hiện công việc, bàn bạc đưa ra những giải pháp tối ưu tham mưu cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành.
- ✓ Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch SXKD, đầu tư đối với các Công ty thành viên chưa được quyết liệt làm ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận chung của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc phải có các giải pháp cụ thể để chỉ đạo các Công ty thành viên thực hiện tốt kế hoạch SXKD, đầu tư.
- ✓ Đội ngũ tham mưu, cố vấn cho TGD còn hạn chế về trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp, kỹ năng nghề nghiệp chưa cao. Do đó chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ công nghệ và tốc độ phát triển của Công ty.







## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tập đoàn kiên định với Chiến lược phát triển, dựa trên các nguyên tắc cơ bản, giữ vững phương châm: **“Hành động – Tăng trưởng – Hiệu quả”**; với mục tiêu: *“Xây dựng Công ty thành một Tập đoàn đầu tư mạnh hàng đầu của Việt Nam vào năm 2015 cả về quy mô vốn, thương hiệu, công nghệ, năng lực quản trị, có khả năng hợp tác và hội nhập thành công trong nước và quốc tế; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đồng bộ và chất lượng cao”*.

### Về đối nội

- **Về SXKD, đầu tư:** Năm 2015 ĐLGL sẽ kiên định tập trung 4 lĩnh vực trọng điểm nhất: Cơ sở hạ tầng, Nông nghiệp (trồng bắp và nuôi bò thịt, bò sữa), Năng lượng (Thủy điện và năng lượng sạch) và Đầu tư, sản xuất linh kiện điện tử. Đối với các ngành nghề truyền thống như Bến xe bãi đỗ, Sản xuất và chế biến gỗ, đá Granite, bất động sản...Ban Lãnh đạo sẽ tập trung tái cấu trúc ở các công ty con để tập trung toàn bộ nguồn lực cho các lĩnh vực mới trong chiến lược phát triển đã được đề ra năm 2014.
- **Về Tài chính:** Phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu công trình, trái phiếu doanh nghiệp để đầu tư vào các dự án tiềm năng của Tập đoàn
- **Về Bộ máy nhân sự:** Tiếp tục điều chỉnh cơ chế hoạt động, tái cấu trúc sắp xếp lại bộ máy để tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động, hệ thống kế toán của các đơn vị tập trung hạch toán tại công ty mẹ với mục tiêu tăng cường sự quản lý kiểm soát tài chính và tăng hiệu quả hoạt động của các đơn vị; tiếp tục củng cố kiện toàn tổ chức. Tăng cường các cán bộ có năng lực về chuyên môn cho các lĩnh vực ngành nghề chiến lược và các Phòng/Ban chức năng Tập đoàn. Tiếp tục tuyển dụng cán bộ chuyên môn nghiệp vụ cao để đáp ứng yêu cầu công việc của Tập đoàn.
- **Về công tác kiện toàn các công ty thành viên:** Quyết liệt củng cố, cấu trúc và kiện toàn các công ty thành viên hoạt động SXKD không hiệu quả, tăng cường hoạt động thanh tra kiểm soát nội bộ, nhất là vấn đề thực hiện các kết luận sau thanh tra.
- **Về Chính sách cho người lao động:** Điều chỉnh tiền lương, tăng thu nhập cho người lao động để ổn định đời sống, thực hiện và giải quyết đầy đủ kịp thời các chế độ chính sách, tiền lương và thu nhập cho người lao động, tạo điều kiện cho người lao động an tâm và góp phần ổn định sản xuất kinh doanh.

## > Về đối ngoại

- **Đối với các tổ chức tín dụng:** Duy trì và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, bền vững với các tổ chức tín dụng, tìm kiếm đối tác chiến lược uy tín tạo thêm nguồn vốn ổn định cho hoạt động của các Dự án trong chiến lược SXKD năm 2015.
- **Đối với đối tác, nhà đầu tư, khách hàng trong nước:** Công khai, minh bạch toàn bộ hoạt động của công ty, tạo dựng niềm tin vững chắc với các đối tác, nhà đầu tư, khách hàng trong và ngoài nước.
- **Đối với các đối tác nước ngoài:** Tiếp tục chiến lược thu hút vốn ngoại, đẩy mạnh hoạt động đầu tư của các Quỹ đầu tư uy tín nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu vốn, mở rộng thị trường, củng cố mạnh mẽ tính thanh khoản và bảng cân đối tài chính, đồng thời từng bước nâng cao vị thế, thương hiệu Đức Long Gia Lai trên thị trường Quốc tế.

The background is a vibrant blue with a circular pattern of white dashed lines. Various white icons are scattered throughout, including a cloud with an upward arrow, a printer, a person in a frame, a smartphone and tablet, a laptop, two interlocking gears, a house, a magnifying glass, a target, a globe, a briefcase, an '@' symbol, an envelope, and a document. A central semi-transparent white box contains the main text.

## ***QUẢN TRỊ CÔNG TY***

1. Hội đồng Quản trị

2. Ban Kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS



## Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
<b>Bùi Pháp</b>	Chủ tịch Hội đồng quản trị	33.840.387	22,67%	- Chủ tịch HĐQT của 6 công ty thành viên - Ủy viên HĐQT của 3 công ty thành viên
<b>Đỗ Thanh</b>	Ủy viên Hội đồng quản trị	19.950	0,013%	- Chủ tịch HĐQT tại 2 công ty thành viên. - Chủ tịch HĐQT tại 1 công ty TNHH - Ủy viên HĐQT tại 3 công ty thành viên
<b>Nguyễn Đình Trạc</b>	Ủy viên Hội đồng quản trị	899.071	0,602%	- Chủ tịch HĐQT tại 1 công ty TNHH - Phó Chủ tịch HĐQT tại 1 công ty TNHH - Ủy viên HĐQT của 7 công ty thành viên
<b>Phạm Anh Hùng</b>	Ủy viên Hội đồng quản trị	Không có	-	Chủ tịch HĐQT tại 1 công ty thành viên.
<b>Nguyễn Trung Kiên</b>	Ủy viên Hội đồng quản trị	10.032	0,007%	Không có
<b>Ông Nguyễn Hồ Nam</b>	Ủy viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập)	Không có	-	Không có
<b>Nguyễn Đăng Hải</b>	Ủy viên Hội đồng quản trị	Không có	-	Không có
<b>Đoàn Nguyên Tiêu</b>	Ủy viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập)	Không có	-	Không có



### **Ông Bùi Pháp**

Năm sinh: 1962

Trình độ: Chuyên viên kinh tế

Quá trình công tác:

- 1995-12/06/2007: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai

- 13/06/2007-16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- 17/01/2010 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

### **Ông Đỗ Thanh**

Sinh năm: 1957

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1982 – 1986: Kế toán trưởng Xí nghiệp cơ khí Gia Lai.

- 1987 – 1991: Chuyên viên kinh tế sở Công nghiệp Gia Lai.

- 1992 - 2001: Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu Gia Lai.

- 2002 - 2005: KTT kiêm trưởng phòng kinh doanh XNTD ĐLGL.

- 2006 - 06/2007: Phó giám đốc kinh doanh XNTD ĐLGL.

- 06/2007 - nay: Phó tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



### **Ông Phạm Anh Hùng**

Năm sinh: 1972

Trình độ: Cử nhân luật

Quá trình công tác:

- 2000 - 2005: nhân viên kinh doanh nông sản công ty XNK Gia Lai.
- 2006 - 2010: nhân viên kinh doanh nông sản công ty TNHH An Lạc.
- 11/2010 - 04/2011: Trợ lý chủ tịch HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 04/2011 - 31/12/2013: Trưởng ban đầu tư Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 01/01/2014 đến nay : Tổng Giám đốc Tập đoàn Đức Long Gia Lai .



### **Ông Nguyễn Đình Trạch**

Năm sinh: 1957

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1976 – 1989: Kế toán Lâm trường An Hội, An Khê, Gia Lai
- 1990 – 2001: Kế toán trưởng Cty trồng rừng nguyên liệu công nghiệp Gia Lai
- 2002 – 2004: Giám đốc sản xuất XNTD Đức Long Gia Lai
- 2005 - 05/2007: Trợ lý Giám đốc XNTD Đức Long Gia Lai
- 06/2007 – 16/01/2010: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 17/01/2010 – 31/12/2013: Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 1/1/2014 đến nay : Ủy viên HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai.







**Ông Nguyễn Hồ Nam**

Năm sinh: 1978

Trình độ: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 2001 -2006: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng Kế toán quản trị Tập đoàn Unilever Việt Nam

-9/2006-01/2010: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

-01/2010-05/2012: Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán NH Sài Gòn Thương Tín

-06/2012 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Thủ Phủ Tre và kiêm nhiệm thêm chức danh Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai từ tháng 11/2014.

**Ông Nguyễn Trung Kiên** Năm sinh: 1974

Trình độ: Kỹ sư xây dựng

**Quá trình công tác:**

- 1999 - 2003: Nhân viên kỹ thuật Công ty Công trình 86.

- 11/2003 - 07/2004: Kỹ sư xây dựng- Công ty thi công cơ giới- TCT xây dựng đường thủy.

- 03/2005 - 02/2007: Nhân viên ban QLDA bến xe Đức Long Gia Lai.

- 03/2007 - 08/2010: Giám đốc, Ban QLDA Đức Long Tower- Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- 09/2010 - 10/2012: Giám đốc Công ty TNHH Hà Trung..

- 10/2012 -5/2013 : Giám đốc Công ty CP BOT & Đức Long Đak Nông.

- 5/2013 đến nay : Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty CP BOT & Đức Long Đak Nông



### **Ông Nguyễn Đăng Hải**

Năm sinh: 1975

Trình độ: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp

Quá trình công tác:

- 1998 -2006: Quản lý Tài chính, kế toán bán hàng, tiếp thị Tập đoàn Unilever Việt Nam
- 2006-2013: Quản lý các dự án tái cấu trúc Doanh nghiệp và xây dựng mới Doanh nghiệp cho các Công ty Việt Nam.
- 2014 đến nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai. Đến tháng 11/2014, kiêm nhiệm thêm chức danh Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



### **Ông Đoàn Nguyên Tiêu**

Năm sinh: 1976

Trình độ: Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/2002 -5/2006: Giáo sư trợ giảng City University of New York
- 12/2006 -6/2008: Nghiên cứu sinh Columbia University
- 02/2008-08/2008: Giám đốc điều hành Young New York Patners, LLC.
- 06/2008 – 02/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc điều hành HRCITI Corp
- 08/2009-nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Asia Global Capital Group, Inc. Đến tháng 11/2014, kiêm nhiệm thêm chức danh Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



**Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu, giúp việc cho HĐQT cụ thể:

- Chánh văn phòng kiêm nhiệm Thư ký Công ty
- Ban Nội chính kiêm nhiệm công tác tổ chức thi đua, khen thưởng lao động tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty
- Ban kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm soát dòng tiền, kiểm soát nghiệp vụ
- Các trợ lý Chủ tịch HĐQT thực hiện nhiệm vụ Trợ lý, tham mưu về chiến lược phát triển, kế hoạch tài chính, tổ chức thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT.

Công ty đang tiến hành thiết lập các tiểu ban nhằm đảm bảo thực hiện tốt hơn công tác quản lý, giám sát các mặt hoạt động của HĐQT nói riêng và của toàn Công ty nói chung.

### Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã tổ chức 31 cuộc họp và ban hành 31 Quyết định cụ thể như sau:

- Tổng kết các cuộc họp

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Bùi Pháp	Chủ tịch	31/31	100%	
2	Ông Đỗ Thanh	Ủy viên	31/31	100%	
3	Ông Nguyễn Đình Trạc	Ủy viên	31/31	100%	
4	Ông Phạm Anh Hùng	Ủy viên	31/31	100%	
5	Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	21/31	68%	Đi công tác
6	Ông Nguyễn Hồ Nam	Ủy viên	3/31	10%	Bầu bổ sung ngày 27/11/2014 Đi công tác
7	Nguyễn Đăng Hải	Ủy viên	3/31	10%	Bầu bổ sung ngày 27/11/2014 Đi công tác
8	Đoàn Nguyên Tiêu	Ủy viên	3/31	10%	Bầu bổ sung ngày 27/11/2014 Đi công tác



- Tổng kết tình hình ban hành các Nghị Quyết HĐQT

STT	Số nghị quyết/quyết định HĐQT	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT-ĐLGL	01/1/2014	Về chế độ tiền lương, phụ cấp cho Tổng giám đốc
2	02/QĐ-HĐQT-ĐLGL	05/1/2014	V/v khen thưởng của Công ty thành viên Hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2013
3	03/QĐ-HĐQT-ĐLGL	05/1/2014	V/v ủy quyền người đại diện Công ty để quan hệ với các đối tác, các tổ chức tín dụng và ngân hàng
4	30/QĐ-HĐQT-ĐLGL	12/3/2014	V/v thông qua phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ cho đối tác chiến lược.
5	31/QĐ-HĐQT-ĐLGL	12/3/2014	V/v thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng và phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi.
6	32/QĐ-HĐQT-ĐLGL	18/3/2014	V/v chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty cổ phần Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Đức Long Gia Lai.
7	02/QĐ-HĐQT-ĐLGL	20/03/2014	V/v tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2014
8	35/QĐ-HĐQT-ĐLGL	21/3/2014	V/v thành lập Ban tổ chức và phê duyệt Kế hoạch phân công nhiệm vụ tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2014 của Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
9	42/QĐ-HĐQT-ĐLGL	22/3/2014	V/v giao nhiệm vụ cho Tổng giám đốc chỉ đạo, điều hành kế hoạch tài chính năm 2014 của CTCP tập đoàn Đức Long Gia Lai.
10	46/QĐ-HĐQT-ĐLGL	29/4/2014	V/v thành lập công ty TNHH MTV nông nghiệp Đức Long Gia Lai.
11	47/QĐ-HĐQT-ĐLGL	29/4/2014	V/v khen thưởng Ban Tổ chức Đại hội cổ đông năm 2014
12	48/QĐ-HĐQT-ĐLGL	06/5/2014	V/v hủy phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ cho đối tác chiến lược.
13	03/QĐ-HĐQT-ĐLGL	06/5/2014	V/v thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần ra công chúng.
14	04/QĐ-HĐQT-ĐLGL	24/05/2014	Về các thông qua phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ công ty.
15	15A/QĐ-HĐQT-ĐLGL	24/05/2014	V/v điều chỉnh tăng vốn góp tại Công ty cổ phần BOT&BT Đức Long Đắk Nông để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14, đoàn Km815+00 - -Km887+00, tỉnh Đắk Nông theo hình thức BOT
16	05A/QĐ-HĐQT-ĐLGL	04/6/2014	V/v thực hiện phương án phát hành và kế hoạch sử dụng vốn từ nguồn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2014
17	53/QĐ-HĐQT-ĐLGL	17/6/2014	V/v chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Dịch vụ công cộng Đức Long Bảo Lộc.
18	60/QĐ-HĐQT-ĐLGL	21/07/2014	V/v chốt quyền phát hành cổ phiếu ra công chúng
19	62/QĐ-HĐQT-ĐLGL	05/08/2014	V/v thay đổi tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.
20	66/QĐ-HĐQT-ĐLGL	08/09/2014	V/v thực hiện các điều kiện trước khi giải ngân vốn ngắn hạn, bảo lãnh của Công ty Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Gia Lai



- Tổng kết tình hình ban hành các Nghị Quyết HĐQT (tiếp)

STT	Số nghị quyết/quyết định HĐQT	Ngày	Nội dung
21	68/QĐ-HĐQT-ĐLGL	13/09/2014	V/v vay vốn tại Ngân hàng NCB để mua xe ô tô con
22	05/NQ-HĐQT-ĐLGL	08/10/2014	V/v đăng ký và niêm yết bổ sung 79.508.610 cổ phiếu
23	70/QĐ-HĐQT-ĐLGL	10/10/2014	V/v Góp vốn tại Công ty TNHH MTV khai thác và chế biến khoáng sản Đức Long Gia Lai và cho Công ty TNHH MTV nông nghiệp Đức Long Gia Lai xen canh trồng cây nông nghiệp (bắp) trên diện tích 948,5 ha tại dự án trồng cây cao su xã IaBlu71, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.
24	71/QĐ-HĐQT-ĐLGL	14/10/2014	V/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2014
25	74/QĐ-HĐQT-ĐLGL	20/10/2014	V/v huy động thêm vốn góp để chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV nông nghiệp Đức Long Gia Lai.
26	78/QĐ-HĐQT-ĐLGL	10/11/2014	V/v thành lập Ban tổ chức Đại hội cổ đông bất thường 2014 của Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
27	81/QĐ-HĐQT-ĐLGL	28/11/2014	V/v bầu chức danh và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, thành lập Hội đồng thường trực của HĐQT và Ủy quyền cho Hội đồng thường trực của HĐQT Tập đoàn ĐLGL thực hiện nhiệm vụ của HĐQT
28	06/NQ-HĐQT-ĐLGL	11/12/2014	V/v thông qua phương án phát hành trái phiếu
29	07/NQ-HĐQT-ĐLGL	22/12/2014	V/v tiếp nhận tài sản đảm bảo phát hành trái phiếu doanh nghiệp và cam kết trả nợ thay
30	08/NQ-HĐQT-ĐLGL	28/12/2014	V/v các cam kết đối với nhà đầu tư trái phiếu Đức Long Gia Lai
31	90/QĐ-HĐQT-ĐLGL	31/12/2014	V/v thông qua phương án chi tiết phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Mass Noble Investments Limited

**Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Công ty có 2 thành viên Hội đồng quản trị độc lập là Ông Nguyễn Hồ Nam và Ông Đoàn Nguyên Tiêu. Trong năm thành viên hội đồng quản trị độc lập đã tham gia hoạt động giám sát tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2014, tham mưu Hội đồng quản trị để đưa ra những quyết sách hoạt động hỗ trợ công tác quản lý, điều hành của Ban lãnh đạo Công ty.

**Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ
1	Lê Ngọc Minh	Trưởng Ban Kiểm Soát	0	0
2	Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên	0	0
3	Phạm Thị Bích Loan	Thành viên	0	0

**Hoạt động của BKS trong năm**

Đầu năm 2014, căn cứ Điều lệ Công ty Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai, căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, căn cứ đặc điểm tình hình SXKD của toàn Tập đoàn, Ban kiểm soát đã soạn lập chương trình kiểm soát năm 2014.

Ban kiểm soát triển khai kiểm soát việc thực hiện Điều lệ Công ty, thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kiểm soát việc thực hiện Quy chế quản lý kinh doanh-tài chính của Công ty về các mặt tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý công nợ phải thu, phải trả, công tác đầu tư xây dựng cơ bản... và tham gia tổ chức các cuộc họp cụ thể như sau:

- Tham gia các buổi họp của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn về kế hoạch kinh doanh hàng năm và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Kiểm tra về Doanh thu- chi phí- lợi nhuận, về kế hoạch SXKD của các Công ty thành viên trực thuộc Tập đoàn, theo dõi việc đầu tư các Dự án cơ sở hạ tầng theo hình thức BOT&BT của tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và tỉnh Đắk Nông. Kiểm tra việc xây dựng đầu tư về lĩnh vực Nông Nghiệp, Lâm nghiệp trồng rừng - Cây cao su, kiểm tra các hoạt động khai thác mỏ, khai thác khoáng sản... kiểm tra các hoạt động SXKD trước và sau đầu tư của Tập đoàn.
- Xem xét các báo cáo thanh tra tài chính nội bộ, tổng kết tài chính, sản xuất kinh doanh của phòng tài chính kế toán cung cấp.
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các Công ty thông qua các báo cáo tháng, quý của các công ty thành viên.
- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, việc chấp hành điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế, quy định, quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2014.
- Kết quả thực hiện kiểm toán cho thấy tình hình hoạt động tài chính của Công ty lành mạnh, đúng quy định của pháp luật. Công ty thực hiện tốt công tác lập hệ thống sổ sách, chứng từ và các văn bản pháp quy hiện hành.





**Thống kê các buổi họp:** trong năm, BKS đã tổ chức 09 buổi họp với các nội dung cụ thể:

STT	Ngày họp	Nội dung chi tiết
1	02/01/2014	HĐQT, BanTGD đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2013 và giao chỉ tiêu kế hoạch 2014 cho các công ty thành viên.
2	26/01/2014	Ban kiểm soát họp thống nhất triển khai chương trình công tác năm 2014.
3	14/4/2014	Họp Hội nghị sơ kết hoạt động SXKD 03 tháng đầu năm 2014
4	28/4/2014	Họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2014
5	08/6/2014	Ban kiểm soát họp thống nhất đề nghị lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.
6	05/7/2014	Họp Hội nghị sơ kết hoạt động SXKD tháng 6/2014, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2014
7	29/10/2014	Họp Hội nghị sơ kết hoạt động SXKD tháng 9/2014
8	27/11/2014	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2014
9	30/12/2014	Ban kiểm soát họp thống nhất kế hoạch triển khai công tác thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính năm 2014 và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2014 của HĐQT để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2014.

Ngoài ra BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT và tham gia góp ý, chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT, tham gia Hội nghị Cổ đông bất thường năm 2014 về bổ sung các ngành nghề chiến lược, bổ sung nhân sự các thành viên chủ chốt trong HĐQT, để tăng cường hoạt động các ngành chiến lược trong năm 2014-2015 của Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Đối với cổ đông: Trong năm BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, của Tập đoàn về sự điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ khác để Ban KS thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao được tốt hơn.

## Đánh giá của BKS

- Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, BTGD và ban Quản lý Công ty
- Hội đồng quản trị Công ty có 08 người, gồm 1 Chủ tịch và 7 Ủy viên HĐQT. Trong năm, Hội đồng quản trị đã duy trì các kỳ họp định kỳ và đột xuất. Trong năm đã tổ chức 31 cuộc họp và ra 31 Nghị quyết và Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật.
- Ban KS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2014 phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của Pháp luật và Công ty.
- Đánh giá của BKS về sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm 2014

Ban TGD công ty có 6 người (01 Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc). Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác đã cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành để duy trì ổn định Công ty, duy trì và bảo tồn vốn của các cổ đông. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban TGD được thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại Hội cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS trong năm 2015**

- Xây dựng kế hoạch SXKD hằng năm phù hợp với năng lực, nguồn lực của các Công ty thành viên để đảm bảo kế hoạch đề ra khi thực hiện có tính khả thi cao.
- Tiếp tục Xây dựng chiến lược trung và dài hạn cho việc tái cơ cấu tài chính của Công ty. Lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả và tạo dòng tiền cho Công ty như dự án Nông Nghiệp ĐLGL, dự án Điện tử ĐLGL, dự án BOT và BT. Tăng cường nguồn nhân lực, tư vấn, giám sát có chuyên môn, liên tục kiểm tra, đôn đốc thực hiện các dự án đúng tiến độ, nhanh chóng đưa vào hoạt động đem lại nguồn thu cho Tập đoàn, đồng thời giảm thiểu các chi phí không cần thiết.

Đề nghị HĐQT, TGD chỉ đạo các Phòng ban đối với các văn bản chỉ đạo điều hành, kết luận có liên quan đến công tác kinh doanh, quản lý, đầu tư, của Công ty gửi Ban kiểm soát để BKS kịp thời cập nhật thông tin phục vụ tốt hơn nhiệm vụ của mình.



## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

**Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm:** do kết quả kinh doanh trong năm không đạt như kỳ vọng nên các thành viên HĐQT, BKS tự nguyện không nhận thù lao, thưởng và các lợi ích khác.

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lí do tăng, giảm
		Số cp	Tỉ lệ	Số cp	Tỉ lệ	
Bùi Văn Hậu	Chồng thành viên BKS	5.700	0,008%	8	0%	Lý do cá nhân

### Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã xây dựng quy chế quản trị công ty từ năm 2010 và thực hiện xuyên suốt quá trình hoạt động từ trước đến nay. Đồng thời, Công ty cũng xây dựng quy trình quản lý, giám sát, thực hiện công việc để tăng hiệu quả công việc. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng theo đuổi mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2014 ĐÃ KIỂM TOÁN**

Ý kiến kiểm toán  
Bảng cân đối kế toán  
Kết quả kinh doanh  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
Thuyết minh báo cáo tài chính



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
**THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL**

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84 511 3655886; Fax: 84 511 3655887  
Email: aac@dlgl.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84 8 39102235; Fax: 84 8 39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 417/2015/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/03/2015, từ trang 6 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lâm Quang Từ – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2015



**Nguyễn Thị Thủy – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>2.444.547.134.144</b>	<b>1.508.807.366.681</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>648.152.617.329</b>	<b>461.045.854.346</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	148.741.738.318	118.341.273.145
2. Phải trả người bán	312		205.487.084.131	141.767.614.459
3. Người mua trả tiền trước	313		8.708.898.399	20.291.837.617
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	31.102.653.266	34.365.851.111
5. Phải trả người lao động	315		5.358.960.448	6.840.524.134
6. Chi phí phải trả	316	21	21.877.644.412	21.041.464.978
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	225.763.918.096	117.961.166.489
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.111.720.259	436.122.413
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.796.394.516.815</b>	<b>1.047.761.512.335</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	23	1.795.542.033.424	1.043.505.251.606
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		725.155.362	4.007.245.579
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	24	127.328.029	249.015.150
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.558.654.454.749</b>	<b>808.481.256.306</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.558.654.454.749</b>	<b>808.481.256.306</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	25	1.492.555.080.000	697.448.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	25	819.082.000	49.922.262.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	25	6.804.570.446	13.778.680.446
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	25	4.329.972.378	4.329.972.378
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420	25	54.165.749.925	43.001.361.482
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>108.450.216.420</b>	<b>103.024.517.868</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>4.111.651.805.313</b>	<b>2.420.313.140.855</b>

### CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại	USD	2.724,07	5.323,16


  
 Tổng Giám đốc  
 Phan Anh Hùng  
 Gia Lai, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02-DN/HN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
 bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.005.809.203.566	801.759.527.268
2. Các khoản giảm trừ	02	26	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10	26	1.005.809.203.566	801.759.527.268
4. Giá vốn hàng bán	11	27	900.026.622.354	716.333.823.110
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		<u>105.782.581.212</u>	<u>85.425.704.158</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	80.695.375.782	65.607.259.055
7. Chi phí tài chính	22	29	103.283.314.270	119.503.721.174
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>101.318.290.886</i>	<i>117.285.645.476</i>
8. Chi phí bán hàng	24		2.394.767.348	3.218.812.643
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.222.592.570	27.223.047.880
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>47.477.282.806</u>	<u>1.087.381.516</u>
11. Thu nhập khác	31	30	7.194.942.526	9.157.954.382
12. Chi phí khác	32	31	2.014.572.491	1.689.561.985
13. Lợi nhuận khác	40		<u>5.180.370.035</u>	<u>7.468.392.397</u>
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	45		<u>(48.160.527)</u>	<u>(692.699.391)</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	32	<u>52.609.492.314</u>	<u>7.863.074.522</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	5.002.675.960	6.873.929.663
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(6.660.670.910)	(686.862.869)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	32	<u>54.267.487.264</u>	<u>1.676.007.728</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	32	1.470.517.447	(455.063.268)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	32	52.796.969.817	2.131.070.996
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	532,77	30,85

Tổng Giám đốc  
  
 Phan Anh Hùng  
 Gia Lai, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng  
  
 Vũ Thị Hải

Người lập biểu  
  
 Nguyễn Thị Phương Thủy

11.11.2015 10:00 AM




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

Mẫu số B 03-DN/HN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
 bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.131.742.776.455	1.063.243.554.090
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(1.125.778.226.039)	(812.696.512.307)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(42.310.237.763)	(38.983.743.874)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(66.646.336.907)	(86.966.972.338)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(3.068.253.092)	(3.731.730.716)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	366.187.679.903	256.262.642.290
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(346.381.205.236)	(195.790.495.611)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(86.753.802.679)</b>	<b>181.336.741.534</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(881.745.387.007)	(256.256.187.876)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	25.000.000	140.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(844.771.741.346)	(160.904.138.696)
4. Tiền thu hồi: cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	290.337.250.000	74.373.105.102
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.766.300.000)	(6.168.022.681)
6. Tiền thu hồi: đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	28.851.200.000	5.681.110.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.557.385.995	73.397.500.065
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.375.812.592.358)</b>	<b>(269.736.634.086)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	702.937.700.000	4.023.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	963.954.520.236	299.570.867.305
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(179.378.873.245)	(139.395.190.438)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(419.851.563)	(372.299)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.487.093.495.428</b>	<b>164.198.304.568</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>24.527.100.391</b>	<b>75.798.412.016</b>
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	82.088.914.921	6.289.049.752
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	5.210.136	1.453.153
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>106.621.225.448</b>	<b>82.088.914.921</b>

Tổng Giám đốc  
  
 Phạm Anh Hùng  
 Giá Lai, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng  
  
 Vũ Thị Hải

Người lập biểu  
  
 Nguyễn Thị Phương Thủy

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Đức Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 23 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 26/12/2014. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác);
- Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt; Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT));
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng); Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác; Quảng cáo; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cắt tạo đá và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chế, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Chế biến khoáng sản);
- Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mù cốm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mù cốm; Mua bán phân bón); Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường; Bê tông xi măng;
- Sản xuất săm, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Bán buôn đá, cát, sỏi, xi măng;

2  
1  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100  
101  
102  
103  
104  
105  
106  
107  
108  
109  
110  
111  
112  
113  
114  
115  
116  
117  
118  
119  
120  
121  
122  
123  
124  
125  
126  
127  
128  
129  
130  
131  
132  
133  
134  
135  
136  
137  
138  
139  
140  
141  
142  
143  
144  
145  
146  
147  
148  
149  
150  
151  
152  
153  
154  
155  
156  
157  
158  
159  
160  
161  
162  
163  
164  
165  
166  
167  
168  
169  
170  
171  
172  
173  
174  
175  
176  
177  
178  
179  
180  
181  
182  
183  
184  
185  
186  
187  
188  
189  
190  
191  
192  
193  
194  
195  
196  
197  
198  
199  
200  
201  
202  
203  
204  
205  
206  
207  
208  
209  
210  
211  
212  
213  
214  
215  
216  
217  
218  
219  
220  
221  
222  
223  
224  
225  
226  
227  
228  
229  
230  
231  
232  
233  
234  
235  
236  
237  
238  
239  
240  
241  
242  
243  
244  
245  
246  
247  
248  
249  
250  
251  
252  
253  
254  
255  
256  
257  
258  
259  
260  
261  
262  
263  
264  
265  
266  
267  
268  
269  
270  
271  
272  
273  
274  
275  
276  
277  
278  
279  
280  
281  
282  
283  
284  
285  
286  
287  
288  
289  
290  
291  
292  
293  
294  
295  
296  
297  
298  
299  
300  
301  
302  
303  
304  
305  
306  
307  
308  
309  
310  
311  
312  
313  
314  
315  
316  
317  
318  
319  
320  
321  
322  
323  
324  
325  
326  
327  
328  
329  
330  
331  
332  
333  
334  
335  
336  
337  
338  
339  
340  
341  
342  
343  
344  
345  
346  
347  
348  
349  
350  
351  
352  
353  
354  
355  
356  
357  
358  
359  
360  
361  
362  
363  
364  
365  
366  
367  
368  
369  
370  
371  
372  
373  
374  
375  
376  
377  
378  
379  
380  
381  
382  
383  
384  
385  
386  
387  
388  
389  
390  
391  
392  
393  
394  
395  
396  
397  
398  
399  
400  
401  
402  
403  
404  
405  
406  
407  
408  
409  
410  
411  
412  
413  
414  
415  
416  
417  
418  
419  
420  
421  
422  
423  
424  
425  
426  
427  
428  
429  
430  
431  
432  
433  
434  
435  
436  
437  
438  
439  
440  
441  
442  
443  
444  
445  
446  
447  
448  
449  
450  
451  
452  
453  
454  
455  
456  
457  
458  
459  
460  
461  
462  
463  
464  
465  
466  
467  
468  
469  
470  
471  
472  
473  
474  
475  
476  
477  
478  
479  
480  
481  
482  
483  
484  
485  
486  
487  
488  
489  
490  
491  
492  
493  
494  
495  
496  
497  
498  
499  
500  
501  
502  
503  
504  
505  
506  
507  
508  
509  
510  
511  
512  
513  
514  
515  
516  
517  
518  
519  
520  
521  
522  
523  
524  
525  
526  
527  
528  
529  
530  
531  
532  
533  
534  
535  
536  
537  
538  
539  
540  
541  
542  
543  
544  
545  
546  
547  
548  
549  
550  
551  
552  
553  
554  
555  
556  
557  
558  
559  
560  
561  
562  
563  
564  
565  
566  
567  
568  
569  
570  
571  
572  
573  
574  
575  
576  
577  
578  
579  
580  
581  
582  
583  
584  
585  
586  
587  
588  
589  
590  
591  
592  
593  
594  
595  
596  
597  
598  
599  
600  
601  
602  
603  
604  
605  
606  
607  
608  
609  
610  
611  
612  
613  
614  
615  
616  
617  
618  
619  
620  
621  
622  
623  
624  
625  
626  
627  
628  
629  
630  
631  
632  
633  
634  
635  
636  
637  
638  
639  
640  
641  
642  
643  
644  
645  
646  
647  
648  
649  
650  
651  
652  
653  
654  
655  
656  
657  
658  
659  
660  
661  
662  
663  
664  
665  
666  
667  
668  
669  
670  
671  
672  
673  
674  
675  
676  
677  
678  
679  
680  
681  
682  
683  
684  
685  
686  
687  
688  
689  
690  
691  
692  
693  
694  
695  
696  
697  
698  
699  
700  
701  
702  
703  
704  
705  
706  
707  
708  
709  
710  
711  
712  
713  
714  
715  
716  
717  
718  
719  
720  
721  
722  
723  
724  
725  
726  
727  
728  
729  
730  
731  
732  
733  
734  
735  
736  
737  
738  
739  
740  
741  
742  
743  
744  
745  
746  
747  
748  
749  
750  
751  
752  
753  
754  
755  
756  
757  
758  
759  
760  
761  
762  
763  
764  
765  
766  
767  
768  
769  
770  
771  
772  
773  
774  
775  
776  
777  
778  
779  
780  
781  
782  
783  
784  
785  
786  
787  
788  
789  
790  
791  
792  
793  
794  
795  
796  
797  
798  
799  
800  
801  
802  
803  
804  
805  
806  
807  
808  
809  
810  
811  
812  
813  
814  
815  
816  
817  
818  
819  
820  
821  
822  
823  
824  
825  
826  
827  
828  
829  
830  
831  
832  
833  
834  
835  
836  
837  
838  
839  
840  
841  
842  
843  
844  
845  
846  
847  
848  
849  
850  
851  
852  
853  
854  
855  
856  
857  
858  
859  
860  
861  
862  
863  
864  
865  
866  
867  
868  
869  
870  
871  
872  
873  
874  
875  
876  
877  
878  
879  
880  
881  
882  
883  
884  
885  
886  
887  
888  
889  
890  
891  
892  
893  
894  
895  
896  
897  
898  
899  
900  
901  
902  
903  
904  
905  
906  
907  
908  
909  
910  
911  
912  
913  
914  
915  
916  
917  
918  
919  
920  
921  
922  
923  
924  
925  
926  
927  
928  
929  
930  
931  
932  
933  
934  
935  
936  
937  
938  
939  
940  
941  
942  
943  
944  
945  
946  
947  
948  
949  
950  
951  
952  
953  
954  
955  
956  
957  
958  
959  
960  
961  
962  
963  
964  
965  
966  
967  
968  
969  
970  
971  
972  
973  
974  
975  
976  
977  
978  
979  
980  
981  
982  
983  
984  
985  
986  
987  
988  
989  
990  
991  
992  
993  
994  
995  
996  
997  
998  
999  
1000









## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### 7. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long

- o Địa chỉ trụ sở chính: Khối phố 3, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện, Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Xây dựng nhà các loại; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ công trình; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành cầu đường, dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Khai thác đá Granit, đá Bazan.
- o Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### 8. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông

- o Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, Phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- o Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty mẹ sở hữu: 65,00%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### 9. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị Trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- o Vốn điều lệ: 270.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty mẹ sở hữu: 60,00%.

27.100.11

11.11.11





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

**10. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai**

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đầu tư xây dựng công trình giao thông ( theo hình thức BOT & BT).
- o Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

**11. Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng**

- o Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bế Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống; Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng, mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; Kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1A, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- o Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty mẹ sở hữu: 85,00%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

**12. Công ty Cổ phần Giáo dục Thể thao và Du lịch Đức Long Gia Lai**

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục tiểu học; Giáo dục thể thao và giải trí; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động của các cơ sở thể thao; Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; Đại lý du lịch; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giấy dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Hoạt động thể thao khác.
- o Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty mẹ sở hữu: 55,00%
- o Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2014 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

**13. Công ty TNHH Một thành viên Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai**

- o Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 Khu Công nghiệp Trà Đa, Xã Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cắt tạo dầm và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng, chế biến khoáng sản); Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Ban buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt.

- o Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty mẹ sở hữu: 100,00%
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### 14. Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 211 Thôn Phú Hà, Xã IaBlư, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây mía; Trồng cây lấy hạt chứa dầu; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây cao su; Chăn nuôi trâu, bò; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mùn cao su); Bán buôn trâu, bò); Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mũ cốm, mua bán phân bón); Hoạt động công ty nắm giữ tài sản.
- o Vốn điều lệ: 360.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty mẹ sở hữu: 99,53%
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### 15. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc

- o Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đầu tư xây dựng bến bãi; Dịch vụ ăn uống; Đại lý mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan; Đại lý mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú; Bán buôn tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.
- o Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,56%. Công ty mẹ kết thúc kiểm soát ngày 17/06/2014.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### 16. Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sứ, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng; Khai thác khoáng sản (không khai thác tại trụ sở); Kinh doanh vận chuyển hàng bằng ô tô; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán). Lập tổng dự toán và dự toán. Tư vấn đấu thầu. Quản lý dự án. Cho thuê máy móc – thiết bị công trình xây dựng; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở); Kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ giữ xe. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Đào tạo nghề.
- o Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%. Công ty mẹ kết thúc kiểm soát ngày 18/03/2014.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

11/03/2014



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Các Công ty liên kết (gồm 3 công ty)

#### 1. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Quang Trung, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán đo đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thi nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.
- o Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng. Trong đó, Công ty sở hữu: 20,00%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### 2. Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên

- o Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp; Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất); Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Mua bán kim loại); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Khai thác quặng sắt.
- o Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty sở hữu: 33,33%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### 3. Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên

- o Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- o Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty mẹ sở hữu: 40,00%.
- o Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2014 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan; Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

##### Các công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### Các công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

##### Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

11/1 A DAI T Q 11





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng mà Công ty giao dịch tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và đo đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

01  
02  
03  
04  
05  
06  
07  
08  
09  
10  
11  
12

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 50
Máy móc, thiết bị	7 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 7

### 4.9 Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	5 - 7

### 4.10 Bất động sản đầu tư

#### Nguyên giá

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

11/01/2014



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 – 50

### 4.11 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.13 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### 4.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### 4.15 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11/11/2014



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.18 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	14.715.285.476	7.441.394.011
Tiền gửi ngân hàng	73.605.939.972	74.447.520.910
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn không quá 3 tháng	18.300.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>106.621.225.448</b>	<b>82.088.914.921</b>

### 6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư ngắn hạn (cho vay ngắn hạn)	453.657.261.554	253.270.511.554
- DNTN Du lịch Lữ hành & ĐT XD NHHTC	4.980.000.000	996.000.000
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	-	76.005.000.000
- Công ty CP ĐT XD Nam Nguyên	52.560.000	108.058.560.000
- Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL	-	22.820.000.000
- Nguyễn Bích Liên	-	14.500.000.000
- Lê Thị Cẩm Tú	-	14.611.694.444
- Trần Thị Lan	-	15.873.555.556
- Đỗ Thị Dương	11.805.000.000	-
- Dương Minh Hùng	3.873.000.000	-
- Công ty CP Quốc Tế Sài Gòn	322.000.000.000	-
- Công ty CP Thủ Phú Tre	85.840.000.000	-
- Phan Công Quỳnh	9.000.000.000	-
- Trần Thị Cương	7.000.000.000	-
- Trần Trung Hiếu	9.000.000.000	-
- Các cá nhân khác	105.701.554	405.701.554
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	340.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương	10.000.000.000	-
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	300.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>793.657.261.554</b>	<b>253.270.511.554</b>

- ✓ Cho các cá nhân vay theo các Hợp đồng vay vốn với thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 11%/năm.
- ✓ Cho Công ty Cổ phần Quốc Tế Sài Gòn vay theo Hợp đồng số 09/HĐVV-DLGL ngày 01/07/2014, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 6%/năm.
- ✓ Cho DNTN Du lịch Lữ hành và Đầu tư Xây dựng NHHTC vay theo Hợp đồng số 10/HĐCMT/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

ngày 07/07/2012, thời hạn cho vay là 60 tháng, lãi suất cho vay là 1,5%/tháng. Số tiền cho vay là 7.972.371.580 đồng, trong đó số đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2015 là 4.980.000.000 đồng.

- ✓ Cho Công ty Cổ phần Thủ Phủ Tre vay theo Hợp đồng số 10/HEVV-DLGL ngày 01/7/2014, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 6%/năm.

### 7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi vay phải thu	66.070.442.265	18.553.850.934
Phải thu khác	144.747.004.651	66.559.007.043
<b>Cộng</b>	<b><u>210.817.446.916</u></b>	<b><u>85.112.857.977</u></b>

### 8. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	179.670.930.506	129.086.495.361
Công cụ dụng cụ	10.286.030	312.609.249
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	39.899.729.784	27.005.880.765
Thành phẩm	15.317.058.489	14.969.091.022
Hàng hóa	84.068.856.122	94.337.276.653
Hàng hóa bất động sản đầu tư	62.798.142.842	67.933.127.148
<b>Cộng</b>	<b><u>381.765.003.773</u></b>	<b><u>333.644.480.198</u></b>

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	87.054.165	89.259.075
Chi phí bảo hiểm	167.079.185	-
Chi phí trả trước khác	710.970.792	710.780.942
<b>Cộng</b>	<b><u>965.104.142</u></b>	<b><u>800.040.017</u></b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	38.432.910	156.308.680
- Thuế thu nhập cá nhân	2.525.784	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.907.126	550.000
- Tiền thuế đất	-	155.758.680
- Thuế môn bài nộp thừa	1.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>38.432.910</b>	<b>156.308.680</b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng	35.398.068.130	27.127.812.127
Tài sản thiếu chờ xử lý	9.202.813	9.202.813
<b>Cộng</b>	<b>35.407.270.943</b>	<b>27.137.014.940</b>

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	135.290.564.996	18.035.434.596	26.774.835.282	745.918.322	180.846.753.196
Mua trong năm	627.272.727	1.110.400.000	11.594.751.636	-	13.332.424.363
XDCB hoàn thành	88.342.273.167	-	-	-	88.342.273.167
Trình bày lại	124.607.108	161.961.315	(176.069.841)	(110.498.582)	-
Chuyển sang BĐSĐT	57.490.038.178	-	-	-	57.490.038.178
Thanh lý, nhượng bán	-	-	170.444.520	-	170.444.520
Giảm trong năm	-	-	14.137.273	10.000.000	24.137.273
Giảm do hợp nhất	-	-	2.853.999.999	-	2.853.999.999
<b>Số cuối năm</b>	<b>166.894.679.820</b>	<b>19.307.795.911</b>	<b>35.154.935.285</b>	<b>625.419.740</b>	<b>221.982.830.756</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	33.206.340.703	3.559.955.255	15.489.929.685	563.467.151	52.819.692.794
Khấu hao trong năm	5.109.297.251	3.018.590.946	3.211.692.882	53.079.755	11.392.660.834
Trình bày lại	80.706.845	(45.364.090)	(4.327.224)	(31.015.531)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	72.164.010	-	72.164.010
Chuyển sang BĐSĐT	9.170.345.157	-	-	-	9.170.345.157
Giảm trong năm	-	-	11.192.008	10.000.000	21.192.008
Giảm do hợp nhất	-	-	1.248.145.392	-	1.248.145.392
<b>Số cuối năm</b>	<b>29.225.999.642</b>	<b>6.533.182.111</b>	<b>17.365.793.933</b>	<b>575.531.375</b>	<b>53.700.507.061</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	102.084.224.293	14.475.479.341	11.284.905.597	182.451.171	128.027.060.402
Số cuối năm	137.668.680.178	12.774.613.800	17.789.141.352	49.888.365	168.282.323.695

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2014 là 118.258.627.196 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 3.378.697.775 đồng.

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền khai thác mỏ đá Đăk Wei VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	44.473.754.270	617.689.701	430.760.792	45.522.204.763
Tăng trong năm	9.063.000.000	-	-	9.063.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>53.536.754.270</b>	<b>617.689.701</b>	<b>430.760.792</b>	<b>54.585.204.763</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	1.798.775	-	352.984.714	354.783.489
Khấu hao trong năm	21.585.300	32.591.429	36.334.680	90.511.409
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.384.075</b>	<b>32.591.429</b>	<b>389.319.394</b>	<b>445.294.898</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	44.471.955.495	617.689.701	77.776.078	45.167.421.274
<b>Số cuối năm</b>	<b>53.513.370.195</b>	<b>585.098.272</b>	<b>41.441.398</b>	<b>54.139.909.865</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2014 là 2.603.627.062 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 139.025.000 đồng.

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án trồng cao su tại IaTiem	12.697.390.695	12.697.390.695
Dự án trồng cao su tại IaBlứ (948 ha)	134.397.261.417	113.369.613.791
Chi phí khảo sát mỏ quặng sắt	542.476.242	542.476.242
Dự án bến xe phía Nam (Bến xe Đă Nẵng)	-	98.045.887.828
Dự án thủy điện Đồng Nai 6	10.358.518.911	10.358.518.911
ĐA BOT quốc lộ 14A đoạn KM từ 817 đến 887	640.225.104.804	225.615.457.545
Hội sở chính Tập đoàn Đức Long Gia Lai	69.894.206.580	34.709.540.871
Công trình khách sạn Mỹ Khê	451.262.866	451.262.866
Mỏ chì kẽm Chư Mố -Azunpa	83.489.202.040	42.857.675.616
Trồng rừng cao su 980 ha Chư Pưh (980 ha)	145.597.798.606	118.768.296.281
Mỏ đá Bazan, Xã IaBlứ, Chư Pưh, Gia Lai	-	409.671.399
Mỏ đá bazan trụ kông Yang - Konchro - Tỉnh Gia Lai	-	618.888.861
Mỏ đá Gabrô Krông năng, Krông pa- Tỉnh Gia Lai - 9,3	318.603.104	233.957.650
ĐA BOT Gia Lai - Đường HCM đoạn Pleiku (km 1610)	449.524.637.048	9.971.473.101
Mỏ đá Gabrodiorit tại xã IaGraí	1.017.796.741	708.883.014
Mỏ đá Bazan, Chư Don, Chư Pưh, Gia Lai	-	50.480.000
Các Công trình xây dựng khác	4.188.838.014	360.217.183
<b>Cộng</b>	<b>1.552.703.097.068</b>	<b>669.769.691.854</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giá trị của các Công trình xây dựng cơ bản dở dang dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2014 là 1.534.472.525 đồng.

**15. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	66.720.417.973	-	66.720.417.973
Chuyển thành BĐS đầu tư	-	57.490.038.178	57.490.038.178
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>66.720.417.973</b>	<b>57.490.038.178</b>	<b>124.210.456.151</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	2.176.391.129	2.176.391.129
Chuyển thành BĐS đầu tư	-	9.170.345.157	9.170.345.157
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>11.346.736.286</b>	<b>11.346.736.286</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	66.720.417.973	-	66.720.417.973
<b>Số cuối năm</b>	<b>66.720.417.973</b>	<b>46.143.301.892</b>	<b>112.863.719.865</b>

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài là thửa đất tại số 97/2 đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2014 là: 112.832.107.025 đồng.

DN  
 V.A  
 V.A  
 P.E



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 16. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	26.246.489.601	26.294.650.128
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai (i)	6.554.358.011	6.626.010.430
- Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên	19.692.131.590	19.668.639.698
Đầu tư dài hạn khác	285.685.547.218	263.096.505.872
- Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn (ii)	5.600.000.000	5.600.000.000
- Công ty CP ĐT Xây dựng Nam Nguyên	968.000.000	968.000.000
- Công ty CP Khoáng sản Luyện kim Tây Nguyên (i)	46.266.300.000	42.500.000.000
- Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang GL	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty CP Đầu tư và PT Điện năng Đức Long GL	3.503.500.000	3.503.500.000
- Cho vay Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	67.100.375.637	53.173.634.291
- Cho vay DNTN Du lịch Lữ hành & ĐT XD NHHTC	2.992.371.581	6.976.371.581
- Công ty CP Dịch vụ Công cộng ĐL Bảo Lộc	480.000.000	-
- Công ty CP ĐT & KD BĐS ĐLGL	4.000.000.000	-
- Cho vay Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát (@)	149.175.000.000	149.175.000.000
- TGNH có kỳ hạn trên 12 tháng	4.400.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(5.068.697.308)	(3.129.247.233)
- Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL	-	(19.581.903)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	(968.000.000)	(968.000.000)
- Công ty CP Đầu tư và PT Điện năng ĐLGL	(2.411.974.553)	(2.141.665.330)
- Công ty CP Dịch vụ Công cộng ĐL Bảo Lộc	(480.000.000)	-
- Công ty CP ĐT và KD Bất động sản ĐLGL	(1.208.722.755)	-
<b>Cộng</b>	<b>306.863.339.511</b>	<b>286.261.908.767</b>

(i) Cổ phiếu của các Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các Công ty này đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này.

(ii) Cho đến thời điểm lập các Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn, cổ phiếu của Công ty này cũng chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

(@) Cho Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV-CTTR ngày 17/01/2012. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, hạn mức cho vay: 150.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay từ ngày 17/01/2012 đến ngày 17/01/2015, lãi suất cho vay: tính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng Sacombank Thành phố Hồ Chí Minh tại từng thời điểm.

590  
 CC  
 TÁ  
 ĐU  
 G  
 PLEI  
 2014  
 Đ.T  
 L.H  
 T.T  
 A.V



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.658.159.711	1.726.047.149
Chi phí phát hành trái phiếu	4.987.500.000	-
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	892.053.026	-
Chi phí chuyển nhượng cầu thủ bóng chuyền	569.937.277	-
Chi phí dài hạn chờ phân bổ	956.417.228	1.648.258.135
<b>Cộng</b>	<b>9.064.067.242</b>	<b>3.374.305.284</b>

**18. Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản thế chấp, ký cược	330.000.000	-
Tiền đặt cọc thuê nhà	63.000.000	63.000.000
<b>Cộng</b>	<b>393.000.000</b>	<b>63.000.000</b>

**19. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	102.787.138.318	95.393.333.308
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam_CN Gia Lai	35.267.000.000	38.680.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam_CN Gia Lai	51.042.138.318	44.478.333.308
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam_CN Gia Lai	11.335.000.000	6.635.000.000
- Ngân hàng Eximbank_CN Tân Sơn Nhất	4.507.000.000	5.000.000.000
- Vay các cá nhân	659.000.000	600.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	45.550.100.000	21.562.237.737
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam_CN Gia Lai	2.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam_CN Gia Lai	39.180.000.000	19.223.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Lai	162.500.000	150.000.000
- Ngân hàng TM CP XNK VN - CN Tân Sơn Nhất	-	600.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam-CN Đắk Nông	-	171.200.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Đắk Nông	-	298.037.737
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân	1.287.600.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai	2.800.000.000	-
- Ngân hàng HD Bank - CN Đắk Lắk	120.000.000	120.000.000
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	404.500.000	1.385.702.100
<b>Cộng</b>	<b>148.741.738.318</b>	<b>118.341.273.145</b>

KẾ TOÁN

TỔNG

KẾ

TỔNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.069.724.540	15.568.161.381
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.214.721.188	17.703.917.617
Thuế thu nhập cá nhân	1.330.779.201	1.054.772.113
Thuế tài nguyên	261.546.647	33.000.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	102.030.960	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.123.850.730	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>31.102.653.266</b>	<b>34.365.851.111</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 21. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí trích trước các công trình xây lắp	15.554.152.183	18.139.337.931
Lãi vay phải trả	6.318.392.229	2.902.127.047
Chi phí phải trả khác	5.100.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.877.644.412</b>	<b>21.041.464.978</b>

### 22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng (Dư Có)	-	12.013.373
Kinh phí công đoàn	3.432.900	47.205.596
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHYTN	1.051.372.443	1.751.152.809
Công ty TNHH Cung ứng VT NL Tây Nguyên	5.110.113	-
Lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	1.538.316.450	-
Lãi vay phải trả	117.910.771.152	93.517.718.005
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	175.200.000
Cổ tức phải trả	1.303.163.899	771.196.955
Các khoản phải trả, phải nộp khác	103.951.751.139	21.686.679.751
- Đỗ Thành Nhân	40.975.000.000	-
- Nguyễn Thanh Lâm	32.351.705.095	-
- Võ Thị Thu Hằng	22.503.153.000	-
- Phải trả khác	8.121.893.044	21.686.679.751
<b>Cộng</b>	<b>225.763.918.096</b>	<b>117.961.166.489</b>

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**23. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	1.795.542.033.424	1.043.505.251.606
- Ngân hàng TMCP Công thương VN_CN Gia Lai (i.1)	499.075.000.000	169.605.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN_CN Gia Lai (i.2)	1.003.301.447.295	598.245.885.477
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai (i.3)	39.736.720.000	25.042.900.000
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín_CN HCM (i.4)	247.993.066.129	247.993.066.129
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN - CN Gia Lai (i.5)	300.000.000	450.000.000
- Ngân hàng TMCP XNK VN - CN Tân Sơn Nhất	-	1.688.400.000
- Ngân hàng HD Bank - CN Đắk Lắk (i.6)	360.000.000	480.000.000
- Ngân hàng Quốc Dân (i.7)	4.775.800.000	-
Nợ dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.795.542.033.424</b>	<b>1.043.505.251.606</b>

(i.1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 220/HĐTD ngày 19/07/2010 với thời gian vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 2 năm, hạn mức vay là 89.000.000.000 đồng, lãi suất vay áp dụng theo lãi suất thả nổi (Lãi suất cho vay thả nổi = Lãi suất cơ sở + biên độ 4% năm). Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Bến xe khách liên tỉnh phía nam Thành phố Đà Nẵng. Khoản vay vốn này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.
- Hợp đồng tín dụng số 45/HĐTD ngày 26/02/2011 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 11/05/2013 với hạn mức vay là 825.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay là 12 năm kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14A đoạn Km từ 817 đến 887 theo hình thức BOT. Toàn bộ khoản nợ (bao gồm nhưng không hạn chế: nợ gốc, lãi, lãi phạt, các khoản phí...) phát sinh từ hợp đồng này được bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai: là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BOT số 01/HĐBOT ngày 01/09/2010 và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Nông với Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông; Toàn bộ quyền khai thác, thu phí các trạm thu phí đoạn Km 817 – Km 887 trên quốc lộ 14 tỉnh Đắk Nông; Các tài sản khác phát sinh từ ưu đãi đầu tư theo hợp đồng BOT.

(i.2) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/05/2008 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, hạn mức vay là 55.000.000.000 đồng (đã nhận nợ trong năm 2008 là 9.070.000.000 đồng), lãi suất cho vay không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4%/năm, nhưng lãi suất vay tối thiểu sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất hiện hành tại thời điểm vay và không thấp hơn lãi suất bán vốn FPT cùng kỳ hạn + 2%. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay. Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 57/2013/BSHD ngày 16/10/2013 thì thời hạn vay được điều chỉnh là 168 tháng, từ ngày 14/08/2008 đến ngày 14/08/2022. Lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,0%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 25/09/2009 với thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày

T H G H L L

))

N.C

T.M.T

A

CHAI



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 18 tháng, số tiền vay là 24.800.000.000 đồng, lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án Đầu tư Bến xe khách liên tỉnh Đức Long – Bảo Lộc. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay. Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 55/2013/BSHD ngày 16/10/2013 thì thời hạn vay được điều chỉnh là 216 tháng, từ ngày 25/09/2009 đến ngày 25/09/2027. Lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 216 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,0%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng, số tiền vay là 43.573.000.000 đồng, lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án trồng 744 ha cao su trong tổng diện tích 948,5 ha cao su tại xã IaBlứ, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
  - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HĐ ngày 01/10/2013 với thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019, số tiền vay là 58.200.000.000 đồng, lãi suất vay là 12,5%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,0%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay dùng để đầu tư dự án khai thác và chế biến quặng chì, kẽm tại xã Chư Mồ, Huyện Iapa, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn được thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai.
  - Hợp đồng vay số 01/2011/HĐ ngày 14/10/2011. Mục đích vay: Đầu tư dự án trồng 980,4 ha cao su, hạn mức: 130.862.000.000 đồng. Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày nhận vốn vay đầu tiên, lãi suất vay: theo thỏa thuận. Thời hạn trả gốc: bắt đầu trả từ năm 2019. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- (i.3) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng dự nợ giảm dần số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 với thời hạn vay là 108 tháng, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 40.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,3%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án xây dựng trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay thuộc quyền sở hữu của Công ty hình thành trong tương lai thuộc dự án này.
- Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01-LD 1029900097 ngày 14/01/2014 thì thời gian vay được điều chỉnh đến ngày 14/12/2023 (thời điểm trả hết nợ đến ngày 14/12/2023) và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 26/06/2015.
- (i.4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sở Giao dịch TP.HCM theo Hợp đồng tín dụng dự nợ giảm dần với số LD 1134100059 ngày 05/01/2012 với thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, số tiền vay là 248.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dự nợ vay sẽ do Sacombank điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần với mức lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với Ngân hàng Nhà nước về lãi suất vay. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thực hiện. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để thanh toán chi phí trồng cao su có tổng diện

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

101  
102  
103  
104  
105  
106  
107  
108  
109  
110  
111  
112  
113  
114  
115  
116  
117  
118  
119  
120  
121  
122  
123  
124  
125  
126  
127  
128  
129  
130  
131  
132  
133  
134  
135  
136  
137  
138  
139  
140  
141  
142  
143  
144  
145  
146  
147  
148  
149  
150  
151  
152  
153  
154  
155  
156  
157  
158  
159  
160  
161  
162  
163  
164  
165  
166  
167  
168  
169  
170  
171  
172  
173  
174  
175  
176  
177  
178  
179  
180  
181  
182  
183  
184  
185  
186  
187  
188  
189  
190  
191  
192  
193  
194  
195  
196  
197  
198  
199  
200



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

tích 1.834,5 hecta tại Xã IaBlư, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị lợi tức phát sinh từ mù, hạt, gỗ vườn cây cao su trên, các quyền khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng, quyền khai thác đá Granit tại Xã Nghĩa Hưng.

Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 03/LD1134100059 ngày 25/06/2013 thì thời gian vay được điều chỉnh đến ngày 31/12/2020 (thời điểm trả hết nợ đến ngày 31/12/2020) và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 30/06/2016.

- (i.5) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng vay số 1682/HDCV/ PN/TCB-PLU ngày 26 tháng 12 năm 2013 để mua ô tô phục vụ mục đích đi lại. Theo đó, tổng số tiền vay: 600.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa: 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, ngày giải ngân đầu tiên là ngày 27/12/2013, lãi suất theo Hợp đồng là 13,9%/năm, được cố định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu và sẽ được điều chỉnh từ tháng thứ 4 trở đi.
- (i.6) Vay Ngân hàng HD Bank Tỉnh Đắk Lắk theo Hợp đồng tín dụng số 0282/13/HĐTD-TH ngày 25/10/2013 với hạn mức vay là 600.000.000 đồng, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán mua xe ô tô xe Toyota Fortuner 2.5G.
- (i.7) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc dân – Sở Giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số 079/14/HĐTD/101-63 ngày 08/10/2014 với thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền cho vay là 780.000.000 đồng, lãi suất cho vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm. Trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng, lãi vay sẽ được thay đổi trong các trường hợp sau: sau mỗi 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; hoặc khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay tăng lên. Mục đích vay: vay mua xe ô tô Toyota Fortuner V 7 chỗ mới 100%. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay

**24. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Doanh thu cho thuê cây xăng	23.636.361	216.287.877
Doanh thu cho thuê mặt bằng	32.727.273	32.727.273
Doanh thu chưa thực hiện khác	65.964.395	-
<b>Cộng</b>	<b>127.328.029</b>	<b>249.015.150</b>

100  
 NG  
 H.  
 2.5  
 100  
 NG  
 H.  
 2.5



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 25. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2013	670.851.080.000	49.938.762.000	14.347.409.324	4.361.918.275	43.291.466.904
Tăng trong năm	26.597.900.000	-	-	-	2.131.070.996
Giảm trong năm	-	16.500.000	568.728.878	31.945.897	2.421.176.418
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>697.448.980.000</b>	<b>49.922.262.000</b>	<b>13.778.680.446</b>	<b>4.329.972.378</b>	<b>43.001.361.482</b>
Số dư tại 01/01/2014	697.448.980.000	49.922.262.000	13.778.680.446	4.329.972.378	43.001.361.482
Tăng trong năm	795.086.100.000	-	-	-	1.226.602.146
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	52.796.969.817
Giảm trong năm	-	49.103.180.000	6.974.110.000	-	42.859.183.520
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>1.492.535.080.000</b>	<b>819.082.000</b>	<b>6.804.570.446</b>	<b>4.329.972.378</b>	<b>54.165.749.925</b>

#### b. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	149.253.508	69.744.898
- Cổ phiếu phổ thông	149.253.508	69.744.898
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	149.253.508	69.744.898
- Cổ phiếu phổ thông	149.253.508	69.744.898
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	149.253.508	69.744.898
- Cổ phiếu phổ thông	149.253.508	69.744.898
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND

11/01/2015

11/01/2015



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 26. Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	1.005.809.203.566	801.759.527.268
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	374.494.330.069	74.604.700.408
- Doanh thu bán điện	-	7.717.727.000
- Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	323.447.420.562	235.947.814.864
- Doanh thu bán phân bón	155.677.219.999	158.456.190.477
- Doanh thu công trình xây dựng	21.891.732.335	61.471.696.401
- Doanh thu bán căn hộ	9.065.000.000	172.235.000.000
- Doanh thu cho thuê tài sản	4.989.120.933	2.863.756.005
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.025.518.988	16.964.475.731
- Doanh thu dịch vụ bến xe và xe buýt	23.297.791.701	21.398.935.132
- Doanh thu bán đá	9.162.518.979	50.099.231.250
- Doanh thu sản phẩm nông nghiệp	61.758.550.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.005.809.203.566</b>	<b>801.759.527.268</b>

### 27. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	352.580.492.342	71.416.206.775
Giá vốn bán điện	-	3.595.519.602
Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	300.568.115.999	209.511.944.569
Giá vốn bán phân bón	149.914.775.320	153.045.663.387
Giá vốn công trình xây dựng	20.104.994.606	50.212.928.294
Giá vốn bán căn hộ	13.779.776.180	150.541.647.414
Giá vốn cho thuê tài sản	2.531.900.004	2.909.672.257
Giá vốn cung cấp dịch vụ	16.031.947.358	13.248.317.429
Giá vốn bán đá	8.268.071.049	49.640.788.901
Giá vốn dịch vụ bến xe và xe buýt	17.076.507.574	12.211.134.482
Giá vốn sản phẩm nông nghiệp	19.170.041.922	-
<b>Cộng</b>	<b>900.026.622.354</b>	<b>716.333.823.110</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	57.412.376.777	59.441.794.044
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.951.756.853	527.670.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.000	23.002.619
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.234.704	144.930
Lãi từ thoái vốn	19.324.980.448	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	5.614.647.462
<b>Cộng</b>	<b>80.695.375.782</b>	<b>65.607.259.055</b>

**29. Chi phí tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	101.318.290.886	116.376.002.976
Lãi trái phiếu	-	909.642.500
Dự phòng đầu tư tài chính	1.939.450.075	2.141.665.330
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	300.400	75.900.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	510.368
Chi phí tài chính khác	25.272.909	-
<b>Cộng</b>	<b>103.283.314.270</b>	<b>119.503.721.174</b>

**30. Thu nhập khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	22.727.273	127.272.727
Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho thuê mặt bằng	218.181.818	48.507.465
Nhận hỗ trợ tiền thuê đất	-	2.509.500.000
Trang phục bảo vệ	-	2.145.455
Tiền điện	-	30.635.690
Lãi trái tức từ các năm trước không phải trả	6.862.635.650	-
Các khoản thu nhập khác	91.397.785	6.439.893.045
<b>Cộng</b>	<b>7.194.942.526</b>	<b>9.157.954.382</b>

KẾ TÍNH

KẾ TÍNH

KẾ TÍNH





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**31. Chi phí khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí tiền phạt, truy thu thuế	408.293.749	136.670.653
Giá vốn trang phục	-	1.967.547
Giá trị còn lại tài sản thanh lý, chuyển nhượng tài sản	98.280.510	-
Khấu hao tài sản cố định cho thuê	14.483.959	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	921.809.953	1.180.639.868
Chi phí khác	571.704.320	370.283.917
<b>Cộng</b>	<b>2.014.572.491</b>	<b>1.689.561.985</b>

**32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.609.492.314	7.863.074.522
- Lợi nhuận từ hoạt động bất động sản	(4.714.776.180)	-
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	57.324.268.494	-
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	12.561.004.239	3.760.529.971
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	23.125.535.553	11.638.518.151
- Các khoản phạt	824.208.545	323.920.051
- Các khoản không tính vào chi phí khác	2.432.635.983	3.206.502.645
- Chi phí lãi vay do chưa góp đủ vốn điều lệ	93.927.371	4.620.821.965
- Lỗ tại các công ty liên kết	48.160.527	692.699.391
- Lỗ tại các công ty con	2.940.688.108	2.794.517.499
- Lỗ CLTG chưa thực hiện của tiền và nợ phải thu	-	56.600
- Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	16.785.915.019	-
Điều chỉnh giảm	10.564.531.314	7.877.988.180
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.951.756.853	10.164.591.807
- Lãi CLTG chưa thực hiện	6.234.704	7.225.020
- Lãi nội bộ đã thực hiện	159.950.125	145.545.376
- Điều chỉnh dự phòng	(13.134.217.732)	(2.439.374.023)
- Chuyển lỗ của các năm trước	255.826.916	-
- Lãi do thoái vốn	19.324.980.448	-
Tổng thu nhập chịu thuế	65.170.496.553	11.623.604.493
- Thu nhập từ hoạt động bất động sản	(4.714.776.180)	-
- Thu nhập từ hoạt động Miễn thuế	42.124.327.761	-
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (20%)	5.812.887.145	-
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (22%)	21.947.057.827	-
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.002.675.958	6.873.929.663
- Chi phí Thuế TNDN hiện hành năm nay (20%)	1.162.777.427	6.817.246.075
- Chi phí Thuế TNDN hiện hành năm nay (22%)	3.791.101.961	-
- Chi phí Thuế TNDN truy thu năm trước	48.796.570	56.683.588
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(6.660.670.908)	(686.862.869)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>54.267.487.264</b>	<b>1.676.007.728</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1.470.517.447	(455.063.268)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	52.796.969.817	2.131.070.996

11/31/2014  
 11/31/2013  
 11/31/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.796.969.817	2.131.070.996
+ Các khoản đc tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Lợi nhuận/Lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	52.796.969.817	2.131.070.996
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	99.099.774	69.081.772
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>532,77</b>	<b>30,85</b>

### 34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.655.458.472	27.176.779.611
Chi phí nhân công	41.551.189.978	39.185.022.273
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.006.030.027	12.638.016.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.568.878.255	109.462.192.709
Chi phí khác bằng tiền	8.559.814.557	7.038.891.627
<b>Cộng</b>	<b>155.341.371.289</b>	<b>195.500.903.212</b>

### 35. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

11/11/2014

11/11/2014





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

		31/12/2014	31/12/2013
Tài sản tài chính		56.324,88	58.995,47
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	2.724,07	5.323,16
Phải thu khách hàng	USD	53.600,81	53.672,31

**Quản lý rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa bằng cách thiết lập mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp, nhằm tìm kiếm các đối tác có giá bán phù hợp nhất. Bên cạnh đó, Công ty vẫn thường xuyên duy trì mối quan hệ đối với các nhà cung cấp truyền thống, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tính ổn định cho đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Cụ thể, rủi ro đối với các khoản phải thu từ hoạt động xây lắp, công trình BOT là tương đối cao do chịu ảnh hưởng chung từ khó khăn hiện nay của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; rủi ro đối với các khoản phải thu từ mua bán hàng hóa với các khách hàng thường xuyên là tương đối thấp. Để quản lý rủi ro này Công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2014	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Các khoản vay và nợ	148.337.238.318	1.795.542.033.424	1.943.879.271.742
Trái phiếu chuyển đổi	404.500.000	-	404.500.000
Phải trả người bán	205.487.084.131	-	205.487.084.131
Chi phí phải trả	21.877.644.412	-	21.877.644.412
Phải trả khác	224.709.112.753	-	224.709.112.753
<b>Cộng</b>	<b>600.815.579.614</b>	<b>1.795.542.033.424</b>	<b>2.396.357.613.038</b>

11 | 10 | 9 | 8 | 7 | 6 | 5 | 4 | 3 | 2 | 1



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Các khoản vay và nợ	116.955.571.045	1.043.505.251.606	1.160.460.822.651
Trái phiếu chuyển đổi	1.385.702.100	-	1.385.702.100
Phải trả người bán	141.767.614.459		141.767.614.459
Chi phí phải trả	21.041.464.978		21.041.464.978
Phải trả khác	116.150.794.711		116.150.794.711
<b>Cộng</b>	<b>397.301.147.293</b>	<b>1.043.505.251.606</b>	<b>1.440.806.398.899</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.621.225.448		106.621.225.448
Phải thu khách hàng	242.687.327.881		242.687.327.881
Đầu tư tài chính	793.657.261.554	280.616.849.910	1.074.274.111.464
Các khoản phải thu khác	210.817.446.916		210.817.446.916
Tài sản tài chính khác		393.000.000	393.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.353.783.261.799</b>	<b>281.009.849.910</b>	<b>1.634.793.111.709</b>

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.088.914.921		82.088.914.921
Phải thu khách hàng	287.516.035.475		287.516.035.475
Đầu tư tài chính	253.270.511.554	259.967.258.639	513.237.770.193
Các khoản phải thu khác	85.112.857.977		85.112.857.977
Tài sản tài chính khác	-	63.000.000	63.000.000
<b>Cộng</b>	<b>707.988.319.927</b>	<b>260.030.258.639</b>	<b>968.018.578.566</b>

### 36. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:

11/01/2014/12/11



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Bán hàng hóa, bán điện, KD BDS	Bán gỗ, Sản phẩm từ gỗ, cao su, NN	Kinh doanh Phân bón	Công trình xây dựng	Dịch vụ bến xe và xe buýt	Hoạt động khai thác đá	Dịch vụ khác cho thuê TS, khách sạn...	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ hàng ra bên ngoài	385.947.886.639	385.205.970.562	155.677.219.999	21.891.732.335	23.297.791.701	6.773.962.409	27.014.639.921		1.005.809.203.566
Doanh thu giữa các bộ phận	84.502.467	791.184.768		168.535.934.472	370.261.879		4.001.231.291	(173.783.114.877)	-
Giá vốn của bộ phận	368.525.017.547	319.738.157.921	149.914.775.320	20.104.994.606	17.076.507.574	6.103.322.024	18.563.847.362		900.026.622.354
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>17.422.869.092</b>	<b>65.467.812.641</b>	<b>5.762.444.679</b>	<b>1.786.737.729</b>	<b>6.221.284.127</b>	<b>670.640.385</b>	<b>8.450.792.559</b>		<b>105.782.581.212</b>
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2014	96.265.621.196	2.024.606.858.037	74.736.305.811	1.604.213.203.486	44.044.924.689	47.357.240.974	174.621.482.695		4.065.845.636.888
Tài sản không phân bổ									45.806.168.425
<b>Tổng tài sản</b>	<b>96.265.621.196</b>	<b>2.024.606.858.037</b>	<b>74.736.305.811</b>	<b>1.604.213.203.486</b>	<b>44.044.924.689</b>	<b>47.357.240.974</b>	<b>174.621.482.695</b>		<b>4.111.651.805.313</b>
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2014	22.031.818.480	1.304.870.274.095	756.199.185	1.022.233.158.960	11.118.345.430	-	65.339.871.595		2.426.349.667.745
Nợ phải trả không phân bổ									18.197.466.399
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>22.031.818.480</b>	<b>1.304.870.274.095</b>	<b>756.199.185</b>	<b>1.022.233.158.960</b>	<b>11.118.345.430</b>	<b>-</b>	<b>65.339.871.595</b>		<b>2.444.547.134.144</b>
Khấu hao và chi phí phân bổ	292.510.086	5.724.378.000	8.359.798	3.212.854.343	3.204.682.593	-	2.995.343.427	-	15.438.128.247
- <i>Khấu hao</i>	-	4.941.819.245	-	1.725.768.183	2.031.337.336	-	2.307.105.263	-	11.006.030.027
- <i>Chi phí phân bổ</i> 1.47.747	292.510.086	782.558.755	8.359.798	1.487.086.160	1.173.345.257	-	688.238.164	-	4.432.098.220
Khấu hao và chi phí không phân bổ									-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Báo cáo bộ phận tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	Đơn vị tính: VND									
	Bán hàng hóa, bán điện, KD BDS	Sản phẩm từ gỗ, cao su	Kinh doanh Phần bón	Công trình xây dựng	Dịch vụ bến xe và xe buýt	Hoạt động khai thác đá	Dịch vụ khác cho thuê TS, khách sạn...	Loại trừ	Tổng cộng	
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	254.557.427.408	235.947.814.864	158.456.190.477	61.471.696.401	21.398.935.132	50.099.231.250	19.828.231.736	-	801.759.527.268	
Doanh thu giữa các bộ phận	10.948.061.250	11.800.000	1.588.770.476	-	28.329.840	10.943.012.000	6.873.189.204	(30.393.162.770)	-	
Giá vốn của bộ phận	225.553.373.791	209.511.944.569	153.045.663.387	50.212.928.294	12.211.134.482	49.640.788.901	16.157.989.686	-	716.333.823.110	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29.004.053.617	26.435.870.295	5.410.527.090	11.258.768.107	9.187.800.650	458.442.349	3.670.242.050	-	85.425.704.158	
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2013	338.473.965.113	877.287.451.986	62.466.763.859	683.249.732.172	30.694.289.558	-	388.168.656.759	-	2.380.340.859.447	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	39.972.281.408	
Tổng tài sản	338.473.965.113	877.287.451.986	62.466.763.859	683.249.732.172	30.694.289.558	-	388.168.656.759	-	2.420.313.140.855	
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2013	116.391.117.679	639.688.335.209	112.321.400.000	612.413.228.204	7.826.699.545	-	1.061.401.566	-	1.489.702.182.203	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	19.105.184.478	
Tổng nợ phải trả	116.391.117.679	639.688.335.209	112.321.400.000	612.413.228.204	7.826.699.545	-	1.061.401.566	-	1.508.807.366.681	
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.099.464.106	5.418.968.609	-	1.586.157.878	2.221.354.541	-	3.369.264.723	-	13.695.209.857	
- Khấu hao	1.099.464.106	5.106.619.781	-	1.538.442.032	1.787.600.845	-	3.105.890.228	-	12.638.016.992	
- Chi phí phân bổ 142.242	-	312.348.828	-	47.715.846	433.753.696	-	263.374.495	-	1.057.192.865	
Khấu hao và chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm**

Tên công ty	Nội dung giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
	<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty CP Khoáng sản Luyện kim Tây Nguyên	Bán đá	36.471.955.000	21.562.670.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	Cung cấp dịch vụ	-	139.838.066
	Bán vật liệu XD	9.464.804.349	2.945.540.030
	Bán đá		377.842.000
	Bán sắt thép		2.001.355.800
	Gia công cửa		50.366.250
Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Bán dầu, cho thuê VP	20.514.564	23.872.550
	Thi công công trình		1.369.562.000
	Bán hàng	454.545.000	286.363.636
	Cho thuê tài sản	898.333.332	931.666.671
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	Bán đá, bán gỗ	412.875.180.124	190.729.669.477
Công ty CP Dịch vụ công cộng Đức Long Bảo Lộc	Cho thuê tài sản	3.997.190.376	4.980.370.188
	<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Khoáng sản Luyện kim Tây Nguyên	Mua đá	36.336.164.000	23.384.040.000
Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Thi công công trình	21.134.600.693	8.614.286.575
	Mua đá các loại	2.777.275.000	-
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	Mua gỗ, đá	6.493.335.600	19.368.765.089
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	Thi công Tower	2.585.185.748	16.294.996.069
	Giám sát hội sở		3.726.407.273
	Thi công hội sở	15.103.030.464	-
	<b>Các khoản đầu tư</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	Cho vay ngắn hạn	-	108.000.000.000
	Thu lãi vay	4.377.835.724	9.373.343.867
Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Thu lãi vay	1.773.713.334	3.214.767.500
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Cho vay dài hạn	13.926.741.346	5.290.000.000
	Thu lãi vay	6.752.752.348	6.427.909.441
	<b>Giao dịch khác</b>		
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn	Cổ tức nhận được	475.012.500	350.010.000
Công ty CP Tư vấn xây dựng Giao thông Gia Lai	Cổ tức nhận được	189.504.000	177.660.000
Công ty CP Khoáng sản luyện kim Tây Nguyên	Cổ tức nhận được	3.287.240.353	-
Ông Phạm Anh Hùng	Chuyển nhượng vốn góp CP DVCC Đức Long Bảo Lộc	6.187.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**
*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*
**c. Số dư với các bên liên quan**

Tên công ty	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty CP Khoáng sản Luyện kim Tây Nguyên	2.063.716.323	2.815.590.187
Công ty MTV KT & CBKS Đức Long Gia Lai	892.930.500	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	378.213.166	2.579.704.546
Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	1.016.854.670	2.846.351.538
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	95.594.432.583	103.268.280.564
Công ty CP Đầu tư và PT Điện năng ĐLGL	21.000.000	21.000.000
Công ty CP Đầu tư và PT Dịch vụ Công cộng ĐL Bảo Lộc	6.597.233.630	-
Công ty CP Đầu tư và PT Điện năng ĐLGL	13.566.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	214.746	-
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty CP Khoáng sản Luyện kim Tây Nguyên	-	3.937.964.822
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	25.300.000	-
<b>Trả trước người bán</b>		
Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai	21.145.525.038	25.289.226.662
Công ty CP Khoáng sản Luyện kim Tây Nguyên	1.139.806.393	479.165.465
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	21.377.846.159	19.173.909.451
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	-	7.142.750.437
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	-	19.578.457.995
Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	4.366.940.001	1.471.226.667
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	4.668.066.973	2.045.412.563
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	11.135.438.459	4.368.169.302
Công ty CP Đầu tư và PT Điện năng ĐLGL	1.168.191.685	227.191.629
Công ty CP Khoáng sản Luyện kim Tây Nguyên	3.027.099.524	3.707.775.002
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Đức Long Gia Lai	1.083.099.457	-
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	300.105.458	300.105.458
Công ty CP Khoáng sản Luyện kim Tây Nguyên	97.347.874	-
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	143.469.213	5.110.113
Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	1.450.000.000	1.450.000.000
Công ty CP Đầu tư và PT Điện năng ĐLGL	21.000.000	21.000.000
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai	656.316.518	782.156.567
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Nguyễn Đình Trạc	866.025.490	665.869.320
Ông Đỗ Thanh	1.259.322.040	1.227.623.890
Ông Nguyễn Tiến Dũng	3.048.348.020	2.041.823.505
Ông Phạm Anh Hùng	57.280.435	8.494.435
<b>Đầu tư ngắn hạn (cho vay ngắn hạn)</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	53.560.000	108.058.560.000
Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai	-	22.820.000.000
<b>Đầu tư dài hạn (cho vay dài hạn)</b>		
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	149.175.000.000	149.175.000.000
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	67.100.375.637	53.173.634.291



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)




(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

#### 38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.

 <p><b>Tổng Giám đốc</b> Phạm Anh Hùng</p>	<p><b>Kế toán trưởng</b></p>  <p>Vũ Thị Hải</p>	<p><b>Người lập biểu</b></p>  <p>Nguyễn Thị Phương Thủy</p>
---	---	---

Gia Lai, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất 2014 được đăng tải ở website của Công ty:

<http://www.duclonggroup.com/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>





Xác nhận của tổ chức phát hành  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM ANH HÙNG**